

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2015

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**Sinh viên : Vũ Thành Ba**

**Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Tình**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ, XÂY  
DỰNG VÀ THIẾT BỊ PCCC HÙNG PHÁT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

**Sinh viên : Vũ Thành Ba**

**Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Tình**

**HẢI PHÒNG - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Vũ Thành Ba

Mã SV: 1354020058

Lớp: QT1401T

Ngành: Tài chính ngân hàng

Tên đề tài: Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần  
tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Tình

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày .... tháng .... năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày .... tháng .....năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

*Người hướng dẫn*

Vũ Thành Ba

Ths. Nguyễn Thị Tình

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2019*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị**

# MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>11</b>
1.1. Tổng quan chung về hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp .....	11
1.1.1. Khái niệm, phân loại .....	11
1.1.2. Khái niệm hiệu quả sử dụng vốn .....	12
1.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn.....	15
1.2.1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) .....	15
1.2.2. Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (BEP).....	15
1.2.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản (ROA).....	16
1.2.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) .....	16
1.2.5. Hệ số hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh.....	16
1.2.6. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn .....	17
1.2.7. Hệ số khả năng thanh toán nhanh.....	17
1.2.8. Chỉ tiêu phản ánh hiệu suất sử dụng vốn ngắn hạn.....	18
1.2.9. Chỉ tiêu phản ánh hiệu suất sử dụng vốn dài hạn .....	20
1.2.10. Phương trình Dupont đánh giá HQSDV .....	21
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến HQSDV của DNTM.....	22
<b>Chương II: THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY HÙNG PHÁT .....</b>	<b>29</b>
<b>2.1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY PCCC HÙNG PHÁT: 29</b>	
2.1.4 Một số chỉ tiêu kinh tế của công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát giai đoạn 2015- 2017.....	34
2.2 Phân tích cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát .....	37
2.2.1 Phân tích cơ cấu nguồn vốn công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát .....	37

2.2.2 Thực trạng hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát.....	40
2.3 Đánh giá chung về cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát.....	47
2.3.1. Thành công.....	47
2.3.2. Hạn chế .....	48
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ PCCC HƯNG PHÁT .....</b>	<b>49</b>
3.1 Phương hướng phát triển của công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát .....	49
3.2 Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát .....	51
3.2.1. Tổ chức cơ cấu vốn lưu động hợp lý:.....	51
3.2.2.Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu. ....	52
3.2.3.Quản lý tốt hàng tồn kho:.....	54
3.2.4. Thực hiện tốt công tác dự toán ngân quỹ.....	55
3.2.3.Một số giải pháp về huy động vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn: .....	56
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>58</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>59</b>

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1 :Cơ cấu quản lý của công ty PCCC Hưng Phát. ....	32
Bảng 2.1.:Một số chỉ tiêu kinh tế của công ty giai đoạn 2015-2017 ĐVT: VNĐ.....	35
Bảng 2.2: Phân tích cơ cấu nguồn vốn ĐVT: VNĐ.....	37
Bảng 2.3 : Bảng phân tích biến động vốn chủ sở hữu ĐVT: VNĐ.....	40
Bảng 2.4 : Bảng phân tích biến động nợ phải trả ĐVT: VNĐ.....	42
Bảng 2.5. Mối quan hệ giữa vốn chủ sở hữu và nợ phải trả ĐVT: VNĐ.....	44
Bảng 2.6 Phân tích hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát .....	46



## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Trong nền kinh tế thị trường đầy biến động và mang tính cạnh tranh như hiện nay, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn phát triển và đứng vững trên thị trường đòi hỏi cần phải có một đội ngũ nhân viên có trình độ, kỹ thuật tay nghề cao cùng với một cơ sở vật chất hạ tầng hiện đại. Một doanh nghiệp nếu chỉ có con người với kỹ thuật công nghệ thì vẫn chưa đủ để cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra mà cần phải có vốn kinh doanh. Vốn là một yếu tố rất quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn rất quan trọng trong nền kinh tế của cả thế giới. Để doanh nghiệp hình thành và có thể tiến hành sản xuất kinh doanh thì bắt buộc doanh nghiệp đó phải có vốn để hoạt động.

Vậy hoạt động quản lý và sử dụng vốn sao cho hiệu quả là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp. Nó giúp cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho tình hình tài chính của doanh nghiệp luôn ở trạng thái ổn định và lành mạnh. Đây cũng là một vấn đề luôn thu hút của các nhà đầu tư, các nhà lãnh đạo của doanh nghiệp và những người làm công tác kế toán tài chính. Xuất phát từ những yêu cầu thực tế trên đây, qua thời gian thực tập ở Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát, đề tài “Cơ cấu nguồn vốn và quá sử dụng vốn tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát” được em lựa chọn làm khóa luận tốt nghiệp.

### **2. Đối tượng nghiên cứu**

- Hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát

- Nội dung nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu vào vấn đề vốn của Công ty như: tình hình vốn và hiệu quả sử dụng vốn.

### **4. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Phòng kế toán của Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát

- Về thời gian: Số liệu phân tích được thu thập trong 3 năm 2015-2017

#### 4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài này, đề tài đã sử dụng một số phương pháp sau đây:

- Phương pháp thu thập số liệu: thu thập số liệu tại công ty thông qua các bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các sổ sách khác tại công ty. Ngoài ra còn cập nhật thông tin từ sách, báo, Internet ...

- Phương pháp xử lý số liệu: từ các số liệu thu thập được, sau đó áp dụng các công thức tính chỉ số có sẵn tính ra được các chỉ số tài chính của công ty. Và liên hệ với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty qua các năm để đánh giá.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh: tổng hợp báo cáo của công ty để tiến hành phân tích và so sánh các chỉ số qua các năm, từ đó đưa ra nhận xét về chúng.

#### 5. Kết cấu của đề tài

Đề tài gồm 3 phần:

Chương 1: Lý luận chung về phân tích cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp

Chương 2: Phân tích cơ cấu nguồn vốn và thực trạng hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát

Chương 3: Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát

## **CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Tổng quan chung về hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp**

#### **1.1.1. Khái niệm, phân loại**

##### **1.1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp**

Có nhiều cách hiểu về doanh nghiệp, theo quy định của Luật Doanh nghiệp: “Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh”.

Theo giáo trình Tài chính doanh nghiệp (Học viện tài chính): “Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế thực hiện các hoạt động sản xuất, cung ứng hàng hóa cho người tiêu dùng qua thị trường nhằm mục tiêu sinh lời”.

Dựa trên khái niệm về doanh nghiệp, Đoàn Minh Tuấn (2015) đưa ra khái niệm về Doanh nghiệp thương mại: “Doanh nghiệp thương mại là một đơn vị kinh doanh được thành lập hợp pháp, nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại.

Như vậy có thể hiểu Doanh nghiệp thương mại (DNTM) là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Hiện nay, đáp ứng yêu cầu của thị trường, các doanh nghiệp thường hoạt động theo hướng đa ngành nghề, đăng ký kinh doanh ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Chính vì vậy một doanh nghiệp được coi là *Doanh nghiệp thương mại nếu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng chủ đạo trong tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ của một doanh nghiệp, tức là doanh thu từ*

hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu thuần của doanh nghiệp.

### **1.1.1.2. Phân loại doanh nghiệp:**

Nhằm phục vụ cho những mục đích nghiên cứu hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp thương mại, các nhà phân tích có thể sử dụng nhiều cách phân loại khác nhau. Những cách phân loại cơ bản đó là:

- *Thứ nhất*, xét theo quy mô doanh nghiệp có thể chia thành:
  - + *Một*, Doanh nghiệp thương mại quy mô lớn;
  - + *Hai*, Doanh nghiệp thương mại quy mô vừa;
  - + *Ba*, Doanh nghiệp thương mại quy mô nhỏ;
  - + *Bốn*, Doanh nghiệp thương mại quy mô siêu nhỏ.
- *Thứ hai*, căn cứ vào tính chất của mặt hàng kinh doanh có thể chia thành:
  - *Một là: Doanh nghiệp kinh doanh chuyên môn hóa*: đó là các doanh nghiệp chuyên kinh doanh một hoặc một số mặt hàng có cùng công dụng, trạng thái hoặc tính chất nhất định.
  - *Hai là: Các doanh nghiệp kinh doanh tổng hợp*: là các doanh nghiệp kinh doanh nhiều mặt hàng có công dụng, trạng thái, tính chất khác nhau.
  - *Ba là: Các doanh nghiệp kinh doanh đa dạng hóa (hỗn hợp)*: các doanh nghiệp kinh doanh cả sản xuất, cả kinh doanh hàng hóa và thực hiện các hoạt động dịch vụ thương mại
- *Thứ ba*, Căn cứ theo chế độ sở hữu tư liệu sản xuất có thể chia thành
  - *Doanh nghiệp thương mại nhà nước*: là DNTM được nhà nước đầu tư hoặc cấp 100% vốn kinh doanh.
  - *Doanh nghiệp thương mại tập thể*: là DNTM mà vốn kinh doanh do tập thể người lao động tự nguyện góp vào để kinh doanh.
  - *Các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh*.
  - *Doanh nghiệp tư nhân*: do các tư nhân trong nước và nước ngoài bỏ vốn kinh doanh.

### **1.1.2. Khái niệm hiệu quả sử dụng vốn**

Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác, sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi tối đa với chi phí thấp nhất.

Hiệu quả sử dụng vốn được lượng hoá thông qua hệ thống các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, cơ cấu vốn, vòng quay

hàng tồn kho, kỳ thu tiền bình quân... Nó phản ánh quan hệ giữa đầu ra và đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh thông qua thước đo tiền tệ hay cụ thể là mối quan hệ giữa kết quả thu được với chi phí bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả thu được càng cao so với chi phí vốn bỏ ra thì hiệu quả sử dụng vốn càng cao. Do đó doanh nghiệp muốn đạt được mục tiêu tăng trưởng và tối đa hoá giá trị doanh nghiệp cần phải đặt vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lên hàng đầu. Tuy nhiên, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn không phải là một nhiệm vụ đơn giản, trước khi tìm ra các giải pháp thực hiện doanh nghiệp cần phải giải quyết được các vấn đề cơ bản sau:

- Phải khai thác nguồn lực vốn một cách triệt để, không để vốn nhàn rỗi, lãng phí, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm có nghĩa là doanh nghiệp phải xác định được thời điểm bỏ vốn, quy mô bỏ vốn sao cho đem lại hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Doanh nghiệp cần phải có chiến lược sản xuất kinh doanh, có kế hoạch quản lý phân bổ sử dụng vốn một cách hợp lý và quan trọng là phải luôn huy động, đầu tư thêm để mở rộng qui mô sản xuất và lĩnh vực hoạt động.

- Đây là những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến vấn đề bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp. Thực hiện được những yêu cầu trên tức là doanh nghiệp đã tìm ra một nửa trong số các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Mục đích của hoạt động quản lý, sử dụng vốn chính là hiệu quả sử dụng vốn, bởi vì hiệu quả sử dụng vốn cao hay thấp sẽ quyết định sự tồn tại và phát triển của DN trong điều kiện kinh tế thị trường.

Để hiểu rõ phạm trù hiệu quả sử dụng vốn cần phân biệt rõ ranh giới giữa hai khái niệm: hiệu quả và kết quả kinh doanh.

Kết quả là những gì mà DN đã được sau một quá trình kinh doanh hay một khoảng thời gian kinh doanh nhất định. Kết quả bao giờ cũng là mục tiêu cần thiết của DN.

Kết quả kinh doanh có thể là những đại lượng cân, đong, đo, đếm được như số công trình hoàn thành sử dụng, doanh thu, lợi nhuận, thị phần,...

Trong khi đó hiệu quả là một phạm trù được xác định bằng tỷ lệ giữa hai chỉ tiêu là kết quả (đầu ra) và chi phí (các nguồn lực đầu vào) hay phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực. Cần chú ý rằng trình độ sử dụng các nguồn lực không thể đo bằng các đơn vị hiện vật hay giá trị mà chỉ là một phạm trù tương đối, được phản ánh bằng số tương đối là: tỷ số giữa kết quả và hao phí nguồn lực. Chúng ta thường nhầm lẫn giữa phạm trù hiệu quả kinh doanh với phạm trù mô tả sự chênh lệch giữa kết quả và hao phí nguồn lực, bởi vì chênh lệch giữa kết quả và chi phí luôn là số tuyệt đối và chỉ phản ánh mức độ sử dụng các nguồn lực.

Như vậy, hiệu quả sử dụng vốn là một khái niệm rộng bao hàm cả mặt kinh tế, chính trị, xã hội, là thước đo tăng trưởng của mỗi DN, phản ánh trình độ và sử dụng các nguồn lực nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - chính trị - xã hội nhất định. Hiệu quả sử dụng vốn thường được thể hiện thông qua quan hệ so sánh giữa các lợi ích trực tiếp và gián tiếp thu được với các chi phí trực tiếp và gián tiếp bỏ ra trong quá trình kinh doanh. Nếu coi hiệu quả SXKD là mục tiêu thì hiệu quả sử dụng vốn là một phương tiện hữu hiệu để đạt được mục tiêu đó.

Nói đến sử dụng vốn có hiệu quả có nghĩa là trong quá trình hoạt động kinh doanh phải thu được những lợi ích cao nhất đồng thời với chi phí thấp nhất. Từ đó, có thể phát biểu rằng: hiệu quả sử dụng vốn phản ánh một mặt của hiệu quả SXKD, là thước đo trình độ quản lý và sử dụng vốn của DN trong việc tối đa hóa lợi ích thu được với tối thiểu hóa chi phí nhằm đạt được những mục tiêu kinh tế xã hội nhất định.

Tóm lại: HQSDV của DN phản ánh trình độ huy động và sử dụng nguồn lực của DN để tạo ra kết quả đầu ra tối ưu. Các chỉ tiêu phản ánh HQSDV của DN được xây dựng thông qua mối quan hệ tỷ lệ giữa các đại lượng kinh tế thể hiện tốc độ luân chuyển, khả năng sinh lời và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

## **1.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn**

Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu của các DN là thu được lợi nhuận cao. Quá trình kinh doanh của DN cũng là quá trình hình thành và sử dụng vốn kinh doanh. Vì vậy, hiệu quả sử dụng vốn được thể hiện ở số lợi nhuận DN thu được trong kỳ và mức sinh lời của một đồng vốn kinh doanh. Xét trên góc độ sử dụng vốn, lợi nhuận thể hiện kết quả tổng thể của quá trình phối hợp tổ chức đảm bảo vốn và sử dụng vốn cố định, vốn lưu động của DN.

Để đánh giá đầy đủ hơn hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh cần phải xem xét hiệu quả sử dụng vốn ở từng khâu, sử dụng nhiều chỉ tiêu để phân tích, đánh giá mức sinh lời của đồng vốn kinh doanh.

Xuất phát từ mục tiêu đánh giá, các DN xác định và sử dụng các chỉ tiêu tài chính thích hợp. Khi sử dụng các chỉ tiêu phản ánh mức sinh lời của vốn kinh doanh, để so sánh giữa các DN khác nhau hay so sánh giữa các thời kỳ khác nhau, doanh nghiệp cần phải đảm bảo tính đồng nhất của chỉ tiêu:

### **1.2.1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS)**

$$ROS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng doanh thu thuần DNTM thu được trong kỳ tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ khả năng quản lý chi phí của DNTM tốt. Chỉ tiêu này chịu sự tác động của đặc điểm kinh tế kỹ thuật cũng như chiến lược cạnh tranh của DNTM.

### **1.2.2. Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản (BEP)**

Chỉ tiêu này còn được gọi là tỷ suất lợi nhuận trước thuế và lãi vay trên tổng tài sản.

$$BEP = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay (EBIT)}}{\text{Tổng tài sản (vốn KD) bình quân trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời của tài sản hay vốn kinh doanh không tính đến ảnh hưởng của thuế thu nhập doanh nghiệp và nguồn gốc của vốn kinh doanh là vốn vay hay vốn chủ sở hữu. Đây là chỉ tiêu quan trọng để DNTM cân nhắc mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính sao cho hiệu quả nhằm gia tăng khả năng sinh lời cho vốn chủ. Khi DNTM sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính sẽ góp phần nâng cao HQSDV của DNTM.

### **1.2.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản (ROA)**

Tỷ suất này còn được gọi là tỷ suất sinh lời ròng của tài sản (ROA). Hệ số này phản ánh mỗi đồng vốn sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời của tổng tài sản, chỉ tiêu này càng cao khả năng sinh lời của tài sản càng lớn.

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản (vốn KD) bình quân trong kỳ}}$$

### **1.2.4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)**

Đây là một chỉ tiêu mà các nhà đầu tư rất quan tâm. Hệ số này đo lường mức lợi nhuận sau thuế thu được trên mỗi đồng vốn của chủ sở hữu trong kỳ.

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân trong kỳ}}$$

Hệ số này phản ánh mỗi đồng vốn chủ sở hữu sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Đây là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh trình độ quản trị doanh thu, chi phí, khả năng khai thác, sử dụng tài sản, trình độ quản trị nguồn vốn của DNTM.

### **1.2.5. Hệ số hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh**

Để phản ánh hiệu quả sử dụng toàn bộ vốn, sử dụng chỉ tiêu số vòng quay toàn bộ vốn. Chỉ tiêu này phản ánh tổng quát hiệu suất sử dụng tài sản hay toàn bộ số vốn hiện có của DNTM và được xác định theo công thức:



$$\begin{aligned} \text{Vòng quay vốn} &= \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{Tổng tài sản (vốn KD) bình}} \\ \text{(tài sản)} & \qquad \qquad \qquad \text{quân sử dụng trong kỳ} \end{aligned}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng VKD (tài sản) DNTM đưa vào kinh doanh trong kỳ tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Đây là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh trình độ khai thác, sử dụng tài sản của DNTM, bao gồm cả vốn ngắn hạn và vốn dài hạn của DN. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn càng cao, là nhân tố góp phần nâng cao HQSDV của DNTM.

### **1.2.6. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn**

Khả năng thanh toán ngắn hạn là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của DN cuối mỗi niên độ kế toán.

$$\begin{aligned} \text{Khả năng thanh toán} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ \text{ngắn hạn} & \end{aligned}$$

Nếu hệ số thanh toán mà lớn hơn 1, phản ánh mức độ mà DN đảm bảo chi trả các khoản nợ là càng cao, rủi ro phá sản thấp, tình hình tài chính được đánh giá là tốt, nhưng nếu hệ số này quá cao thì không tốt, nó cho thấy sự dồi dào của DN trong việc thanh toán nhưng lại giảm hiệu quả sử dụng vốn do DN đã đầu tư quá nhiều vào tài sản ngắn hạn và có thể dẫn đến tình hình tài chính xấu.

Nếu hệ số thanh toán mà nhỏ hơn 1, phản ánh khả năng thanh toán của DN không tốt, tài sản ngắn hạn của DN không đủ để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và các khoản nợ đến hạn phải trả.

Nếu hệ số thanh toán mà bằng 0, phản ánh DN khó có khả năng chi trả được nợ, tình hình tài chính của DN đang gặp khó khăn và DN có nguy cơ bị phá sản.

### **1.2.7. Hệ số khả năng thanh toán nhanh**

Khả năng thanh toán nhanh được hiểu là khả năng doanh nghiệp dùng tiền hoặc tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để trả nợ ngay khi đến hạn và quá hạn.

Tùy theo mức độ kịp thời của việc thanh toán nợ, hệ số khả năng thanh toán nhanh có thể được xác định theo công thức sau:

$$\frac{\text{Khả năng thanh toán nhanh}}{\text{toán nhanh}} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Khả năng thanh toán nhanh thông thường biến động từ 0,5 đến 1, lúc đó khả năng thanh toán của DN được đánh giá là khả quan.

### **1.2.8. Chỉ tiêu phản ánh hiệu suất sử dụng vốn ngắn hạn**

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn của DNTM có thể sử dụng 2 chỉ tiêu: (1)vòng quay vốn ngắn hạn và (2)kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn.

#### **+ Vòng quay vốn ngắn hạn (VLĐ):**

$$\frac{\text{Vòng quay vốn ngắn hạn}}{\text{ngắn hạn}} = \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{Vốn ngắn hạn BQ trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện sự vận động của tài sản ngắn hạn trong kỳ, nó cho biết một đồng vốn ngắn hạn bình quân trong kỳ sẽ tạo ra bao nhiêu đồng DTT. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ tài sản ngắn hạn vận động nhanh, đó là nhân tố góp phần nâng cao HQSXKD cho DNTM.

#### **+ Kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn:**

$$\frac{\text{Kỳ luân chuyển vốn ngắn hạn}}{\text{vốn ngắn hạn}} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Vòng quay vốn ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, để thực hiện một vòng luân chuyển (vòng quay), vốn ngắn hạn cần bao nhiêu ngày. Chỉ tiêu này càng thấp chứng tỏ tài sản ngắn hạn vận động nhanh, đó là nhân tố góp phần nâng cao HQSXKD cho DNTM.

Trong thành phần của VNH của DNTM thì tiền, HTK và nợ phải thu là ba thành phần chủ yếu, do đó để đánh giá hiệu suất sử dụng VNH cần quan tâm đến các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền, sử dụng HTK và nợ phải thu của DNTM.

#### **Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển của tiền**

Số vòng quay tiền phản ánh tốc độ luân chuyển vốn bằng tiền và được xác định theo công thức:

$$\frac{\text{Số vòng quay vốn bằng tiền}}{\text{bằng tiền}} = \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{Vốn bằng tiền bình quân trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện sự vận động của vốn bằng tiền trong kỳ, nó cho biết một đồng vốn bằng tiền bình quân trong kỳ sẽ tạo ra bao nhiêu đồng DTT. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ vốn bằng tiền vận động nhanh, đó là nhân tố góp phần nâng cao HQSXKD cho DNTM.

### **Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển khoản phải thu**

Để đánh giá hiệu quả sử dụng khoản phải thu của DNTM có thể sử dụng 2 chỉ tiêu: (1)vòng quay khoản phải thu và (2)kỳ thu tiền bình quân.

+ Vòng quay khoản phải thu:

$$\frac{\text{Vòng quay khoản phải thu}}{\text{phải thu}} = \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{Khoản phải thu BQ trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này thể hiện sự vận động của khoản phải thu trong kỳ, nó cho biết khoản phải thu luân chuyển được bao nhiêu vòng trong kỳ. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ tốc độ thu hồi công nợ của DNTM càng nhanh, DN ít bị chiếm dụng vốn, từ đó tiết kiệm vốn và đẩy nhanh được tốc độ luân chuyển VNH, góp phần nâng cao HQSXKD cho DNTM.

+ Kỳ thu tiền bình quân:

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, số ngày cần thiết để khoản phải thu thực hiện được một vòng quay. Nó là độ dài tính từ lúc DNTM xuất giao hàng đến khi DNTM thu được tiền bán hàng. Chỉ tiêu này càng thấp chứng tỏ tốc độ thu tiền càng nhanh, góp phần nâng cao HQSXKD cho DNTM.

### **Chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển hàng tồn kho (HTK)**

Để đánh giá hiệu quả sử dụng hàng tồn kho của DNTM có thể sử dụng 2 chỉ tiêu: (1) vòng quay hàng tồn kho và (2) số ngày một vòng quay HTK.

+ Vòng quay hàng tồn kho:

$$\frac{\text{Vòng quay hàng tồn kho}}{\text{tồn kho}} = \frac{\text{Giá vốn bán hàng trong kỳ}}{\text{Hàng tồn kho BQ trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh sự vận động của hàng tồn kho trong kỳ, nó cho biết hàng tồn kho luân chuyển được bao nhiêu vòng trong kỳ. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ tốc độ quay vòng vốn của DNTM càng nhanh, DN sử dụng vốn càng hiệu quả, góp phần nâng cao HQSXKD cho DNTM.

+ Số ngày một vòng quay HTK:

$$\frac{\text{Số ngày một vòng quay HTK}}{\text{HTK}} = \frac{\text{Số ngày trong kỳ}}{\text{Vòng quay HTK}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, số ngày cần thiết HTK thực hiện được một vòng quay. Nó là độ dài tính từ lúc DNTM bỏ tiền ra mua NVL dự trữ cho quá trình sản xuất đến khi tạo được sản phẩm chờ bán. Số ngày của một vòng quay phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm kinh doanh; quy trình; công nghệ sản xuất được áp dụng cũng như chính sách tồn kho của DNTM.

### **1.2.9. Chỉ tiêu phản ánh hiệu suất sử dụng vốn dài hạn**

Hiệu quả sử dụng vốn dài hạn của DN được đánh giá thông qua chỉ tiêu hiệu suất sử dụng dài hạn. Chỉ tiêu cho phép đánh giá mức độ khai thác, sử dụng vốn dài hạn của doanh nghiệp trong kỳ và được tính theo công thức:

$$\frac{\text{Hiệu suất sử dụng vốn dài hạn}}{\text{dụng vốn dài hạn}} = \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{VCD và vốn dài hạn khác BQ trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng giá trị tài sản dài hạn đầu tư trong kỳ thì thu được bao nhiêu đồng doanh thu thuần, chỉ tiêu này thể hiện sức sản xuất của tài sản cố định, chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ tài sản cố định hoạt động tốt, là nhân tố góp phần nâng cao HQSDV của DNTM.

**1.2.10. Phương trình Dupont đánh giá HQSDV**

Phân tích Dupont là kỹ thuật tách một tỷ suất lợi nhuận thành các tỷ số tài chính thành phần, từ đó lý giải được các nhân tố đã ảnh hưởng quyết định đến tỷ suất lợi nhuận, giúp cho nhà quản trị đề ra các biện pháp quản lý phù hợp. Phương trình Dupont thường được triển khai để phân tích cho tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) hoặc tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE).

- *Phương trình Dupont với Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh*

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên VKD (ROA)} = \frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (ROS)}}{\text{Vòng quay toàn bộ vốn}}$$

- *Phương trình Dupont với tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu ROE*

$$ROE = \frac{LN \text{ sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn KD BQ}} \times \frac{\text{Vốn KD BQ}}{\text{Vốn CSH BQ}}$$

Hay:

$$ROE = ROS \times \frac{\text{Vòng quay toàn bộ vốn}}{1} \times \frac{1}{\text{Hệ số nợ BQ}}$$

Phương trình Dupont với ROE ngoài mô hình 3 nhân tố nêu trên còn có một phiên bản khác là mô hình 6 nhân tố.

$$ROE = \frac{NI}{EBT} \times \frac{EBT}{EBIT} \times \frac{EBIT}{EBITDA} \times \frac{EBITDA}{DTT} \times \frac{DTT}{VKDBQ} \times \frac{1}{1-HBQ}$$

Qua phương trình trên ta thấy, ROE chịu tác động của 6 nhóm nhân tố:

- $\frac{NI}{EBT}$ : Đây là chỉ tiêu phản ánh LNST của DNTM trên LNNTT. Chỉ tiêu này phản ánh tác động của chính sách thuế tới HQSDV của DNTM.
- $\frac{EBT}{EBIT}$ : Đây là chỉ tiêu phản ánh LNNTT của DNTM trên lợi nhuận trước thuế và lãi vay. Chỉ tiêu này phản ánh tác động của lãi vay tới HQSDV của DNTM.

- $\frac{EBIT}{EBITDA}$ : Đây là chỉ tiêu phản ánh lợi nhuận trước thuế và lãi vay của

DNTM trên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao. Chỉ tiêu này phản ánh tác động của chính sách phân bổ khấu hao ảnh hưởng như thế nào tới HQSDV của DNTM.

- $\frac{EBITDA}{DTT}$ : Chỉ tiêu phản ánh lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao của

DNTM trên DTT. Chỉ tiêu này cho biết, cứ 100 đồng DTT của doanh nghiệp tạo ra bao nhiêu đồng thu nhập trước khi DNTM chi trả lãi vay, khấu hao và thuế thi nhập doanh nghiệp.

- $\frac{DTT}{VKDBQ}$ : Chỉ tiêu phản ánh vòng quay toàn bộ vốn. Nó cho biết trong năm

tài chính, VKD của DNTM luân chuyển được bao nhiêu vòng, chỉ tiêu này càng lớn thì HQSDV của DNTM càng cao.

- $\frac{1}{1-HBQ}$ : Chỉ tiêu phản ánh mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của DNTM.

Chỉ tiêu này càng cao cho thấy DNTM càng sử dụng nhiều đòn bẩy tài chính trong HQSDV của mình.

Phương trình Dupont với 6 nhân tố giúp phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố khác nhau đến HQSDV của DNTM. Phương pháp phân tích Dupont đặc biệt hữu ích khi nó được sử dụng để kết hợp so sánh giữa doanh nghiệp với các đối thủ cạnh tranh, từ đó, có thể nhận thấy trực diện điểm mạnh và điểm yếu của doanh nghiệp so với đối thủ cạnh tranh xét trên góc độ hiệu quả tỷ suất lợi nhuận.

### **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến HQSDV của DNTM**

Như chúng ta đã biết, kết quả đạt được và chi phí bỏ ra của một DN trong hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố. Tùy theo mỗi tiêu thức khác nhau mà người ta có thể chia các nhân tố này thành các loại khác nhau. Thông thường chúng ta có thể chia các nhóm nhân tố như sau:

#### **1.3.1. Nhóm nhân tố bên ngoài**

##### **Mức độ hội nhập quốc tế**

Toàn cầu hóa ngày càng trở thành xu hướng của thế giới hiện đại. Quá trình hội nhập kinh tế mang lại cho các DN những thuận lợi tuy nhiên cũng không ít thách thức. Theo lộ trình gia nhập WTO cũng như các tổ chức, hiệp hội mang tính chất quốc tế, Việt Nam phải từng bước giảm hàng rào thuế quan, mở cửa thị trường trong nước từng bước cạnh tranh với các DN nước ngoài với tiềm lực tài chính hùng mạnh và kinh nghiệm lâu đời. Đồng thời các DN trong nước cũng có những cơ hội tiếp mở rộng thị phần quốc tế.

### ***Chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước***

Các chính sách kinh tế vĩ mô (chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ...) có tác động rất lớn vào quá trình doanh của DN. Tùy vào mỗi giai đoạn của chu kỳ kinh tế mà nhà nước sẽ thực hiện các chính sách này theo hướng mở rộng hoặc thu hẹp, và tùy vào từng nội dung của chính sách sẽ ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến HQSDV của DN.

### ***Môi trường pháp luật, thể chế chính trị***

Thể chế chính trị, sự nhất quán trong đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước có tác động trực tiếp đối với quá trình phát triển và hoạt động kinh doanh của DN. Môi trường chính trị ổn định là tiền đề quan trọng cho sự phát triển và mở rộng các hoạt động đầu tư của DN cũng như thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Sự hoàn chỉnh và đồng bộ của hệ thống các chính sách, các văn bản pháp luật của nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất kinh doanh và góp phần không nhỏ vào nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của DN.

### ***Nhân tố môi trường văn hóa xã hội và truyền thống lịch sử***

Tình trạng thất nghiệp, trình độ giáo dục, lối sống, phong tục tập quán, tâm lý xã hội,... đều tác động một cách trực tiếp hoặc gián tiếp tới hiệu quả sử dụng vốn của mỗi DN. Ngoài ra, các yếu tố như trình độ lao động, phong cách, lối sống, tập quán,... cũng ảnh hưởng tới khả năng chuyên môn, khả năng đào tạo, mức độ tiêu

dùng,... của người dân. Chính vì thế, các nhân tố này cũng ảnh hưởng một cách gián tiếp hoặc trực tiếp tới hiệu quả sử dụng vốn của DN.

### ***Sự phát triển của ngành kinh doanh***

Hoạt động sản xuất kinh doanh của DN chịu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp bởi các DN trong cùng một ngành hoặc các DN sản xuất sản phẩm thay thế. Trong nền kinh tế hiện nay, hầu hết các sản phẩm đều có sản phẩm thay thế. Do đó, đối thủ cạnh tranh của DN không chỉ là các DN sản xuất kinh doanh cùng loại sản phẩm mà còn phải kể đến các DN có sản phẩm tương ứng với sản phẩm mình sản xuất. Các DN sản xuất sản phẩm thay thế có thể từng bước chiếm lĩnh khách hàng của mình gây ra những khó khăn về tiêu thụ sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất kinh doanh. Thậm chí, các DN sản xuất sản phẩm thay thế cũng có thể có những yếu tố đầu vào giống với mình dẫn tới cạnh tranh các yếu tố đầu vào như: nguyên liệu, vật liệu, con người,... ảnh hưởng tới chi phí của DN.

### ***1.3.2. Nhóm nhân tố bên trong***

#### ***Khả năng sinh lời của doanh nghiệp***

Khả năng sinh lời của DN rất quan trọng đối với các nhà quản lý, vì tổng lợi nhuận và lợi nhuận thuần là những chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả kinh doanh của nhà quản lý.

- *Mức sinh lời trên tài sản (ROA)*: Đây là chỉ tiêu tổng hợp được dùng để đánh giá khả năng sinh lời của một đồng vốn đầu tư. Tùy thuộc vào tình hình cụ thể của DN được phân tích và phạm vi so sánh mà người ta lựa chọn lợi nhuận trước thuế và lãi vay hoặc lợi nhuận sau thuế để so sánh với tổng tài sản.

Chỉ tiêu ROA cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về các khoản lãi được tạo ra từ lượng vốn đầu tư. ROA trong các công ty cổ phần có sự khác biệt và phụ thuộc nhiều vào ngành kinh doanh, đây là lý do khi nhà quản lý đặt câu hỏi tại sao khi sử dụng ROA để so sánh các công ty qua các năm tài chính. Tài sản của DN được hình thành từ vốn vay và vốn chủ sở hữu, cả hai nguồn vốn này được sử dụng để



tài trợ cho các hoạt động của DN. Kết quả của việc chuyển vốn đầu tư thành lợi nhuận được thể hiện qua ROA, ROA càng cao thì DN sinh lời nhiều hơn, chi phí đầu tư ít hơn. Mặt khác, các nhà đầu tư nên chú ý tới tỷ lệ lãi suất mà DN phải trả cho các khoản vay nợ. Nếu DN không tạo ra nhiều mức sinh lời trên tài sản, đó là dấu hiệu không tốt. Ngược lại, nếu ROA mà tốt hơn chi phí vay thì có nghĩa là DN đang tạo ra một mức sinh lợi cho DN.

- *Mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)*: Chỉ số này là thước đo chính xác để đánh giá một đồng vốn bỏ ra và tích lũy tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Khi ROE càng cao chứng tỏ DN sử dụng đồng vốn có hiệu quả, kết hợp hài hòa các loại nguồn vốn trong DN tạo ra lợi thế cạnh tranh của mình trong quá trình huy động vốn, mở rộng quy mô, vì vậy khi hệ số ROE mà cao thì càng thu hút các nhà đầu tư. Khi tính toán ROE các nhà đầu tư có thể đánh giá các góc độ, như: ROE nhỏ hơn hoặc bằng lãi vay ngân hàng, vậy nếu DN có khoản vay ngân hàng tương đương hoặc cao hơn vốn cổ đông, thì lợi nhuận tạo ra cũng chỉ để trả lãi vay ngân hàng. ROE cao hơn lãi vay ngân hàng thì phải đánh giá xem DN đã vay ngân hàng và khai thác hết lợi thế cạnh tranh trên thị trường chưa để đánh giá DN này có thể tăng tỷ lệ ROE trong tương lai hay không.

### ***Về hệ số khả năng thanh khoản***

Để quản lý khả năng thanh khoản của DN, cần quản lý về khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh.

Nâng cao hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn: Đây là chỉ tiêu quan trọng đối với mỗi DN, do vậy cần quản lý tốt các khoản nợ ngắn hạn được trang trải bằng các tài sản có thể chuyển đổi thành tiền tương đương với thời hạn của các khoản nợ đó. Nhà quản trị DN cần có sự so sánh với giá trị trung bình của ngành và so sánh với các tỷ số của năm trước để điều chỉnh các hệ số trên báo cáo tài chính cho phù hợp. Khi giá trị của tỷ số này giảm có nghĩa là khả năng trả nợ của DN giảm và cũng là dấu hiệu báo trước những khó khăn tài chính tiềm tàng. Ngược lại, khi giá trị của

tỷ số này cao hơn, có nghĩa là khả năng thanh toán nợ của DN tăng, là dấu hiệu đáng mừng. Tuy nhiên, khi giá trị của tỷ số này quá cao thì có nghĩa là DN đã đầu tư quá nhiều vào tài sản lưu động. Điều này có thể do sự quản trị tài sản lưu động còn chưa tốt nên còn một lượng tiền mặt nhàn rỗi hoặc còn nhiều khoản nợ phải thu, làm tăng chi phí lãi vay, giảm lợi nhuận của DN.

Nâng cao hệ số khả năng thanh toán nhanh: Nhà quản trị DN cần quan tâm đến chỉ tiêu tiền và tương đương tiền, các khoản nợ ngắn hạn, các nội dung này có ảnh hưởng đến hệ số khả năng thanh toán nhanh. Khi tỷ số khả năng thanh toán nhanh thấp hơn năm trước có nghĩa là những thay đổi về chính sách tín dụng và cơ cấu tài trợ đã làm khả năng thanh toán của DN yếu đi, và ngược lại.

### ***Lựa chọn cơ cấu vốn tối ưu***

Việc lựa chọn cơ cấu vốn tối ưu giữa tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu, nợ phải trả đòi hỏi công tác quản trị tài chính đảm bảo tính cân đối, tính phù hợp, và khoa học. Một cơ cấu vốn tối ưu khi chi phí sử dụng vốn bình quân thấp nhất, khi đó tạo ra giá trị DN lớn nhất. Nhà quản lý DN có thể sử dụng một hay nhiều nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động SXKD, có thể dùng nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn, dùng vốn vay nợ, hay vốn chủ sở hữu, chiếm dụng vốn của khách hàng... tùy thuộc vào từng thời điểm, uy tín, thương hiệu và hoạt động SXKD của DN trong từng thời kỳ. Nhà quản trị tài chính có thể thiết lập một cơ cấu vốn tối ưu dựa trên cơ sở định tính và định lượng những tác động đến cơ cấu vốn của DN. Khi cơ cấu vốn của DN chưa đạt đến mức tối ưu, DN có thể tiếp tục sử dụng thêm nợ, dùng các nguồn tài trợ để đáp ứng hoạt động SXKD của DN. Ngược lại, khi cơ cấu vốn của DN đạt điểm tối ưu, việc sử dụng thêm nợ sẽ gánh nặng khả năng thanh toán, chi phí lãi vay. Như vậy, việc thiết lập cơ cấu vốn tối ưu là nội dung quan trọng trong chính sách quản lý tài chính nói chung và quản lý vốn nói riêng. Bất cứ một DN nào khi xây dựng chính sách quản lý vốn đều hướng đến mục tiêu: huy động được nhiều vốn với chi phí thấp nhất, xác định cơ cấu vốn tối ưu, duy trì được cơ cấu vốn tối ưu. Cả ba

mục tiêu trên đều hướng đến mục tiêu cuối cùng là xây dựng, đảm bảo một cơ cấu vốn tối ưu cả về quy mô và chi phí vốn. Có như vậy, DN mới có cơ hội đầu tư chiều sâu, mở rộng quy mô sản xuất, đa dạng hoá hình thức quản lý vốn đem lại hiệu quả.

***Kiểm soát quá trình quản lý, sử dụng tài sản doanh nghiệp***

Sử dụng vốn bằng tiền an toàn và hiệu quả: Các DN cần quan tâm và nâng cao hoạt động quản lý vốn bằng tiền nhằm đảm bảo số dư ngân quỹ tối ưu được xác định chính xác và duy trì liên tục thông qua các nghiệp vụ phù hợp, cơ cấu và quy mô của tài sản ngắn hạn, nợ ngắn hạn được điều chỉnh hợp lý, làm gia tăng khả năng thanh toán và vòng quay tiền. Vòng quay tiền càng cao chứng tỏ tiền được dùng càng nhiều lần trong một kỳ hay doanh nghiệp tối đa hóa hiệu quả sử dụng của tiền. Đồng thời, kết quả kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) được thay đổi tích cực nên phải quản lý tốt vốn lưu động để hệ số sinh lời tài sản ngắn hạn tăng lên

***Giảm các khoản phải thu, giảm tỷ lệ nợ xấu và rút ngắn tuổi nợ***

Giá trị nợ quá hạn ghi nhận các khoản tiền không được thanh toán đúng thời hạn theo thỏa thuận ban đầu, có thể được phân loại chi tiết theo thời gian quá hạn (30 ngày, 45 ngày, 60 ngày...). Khi việc theo dõi, thu hồi công nợ không được thực hiện một cách tích cực hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn tài chính, tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng doanh thu bán chịu có xu hướng gia tăng, mặc dù tỷ lệ này nhỏ nhưng giá trị công trình lớn làm số tuyệt đối lớn, do vậy nhà quản lý phải theo dõi thường xuyên, chặt chẽ tình hình tài chính của chủ đầu tư để giảm tỷ lệ nợ không thu hồi được trên tổng doanh thu bán chịu xuống mức thấp nhất

***Kiểm soát chặt chẽ lượng đặt hàng tối ưu, giảm vật tư tồn kho***

Chu kỳ luân chuyển tiền cho biết số ngày trung bình từ lúc DN dùng tiền để mua hàng, bán hàng và thu được tiền về. Qua đó, thể hiện mối quan hệ mật thiết giữa hoạt động quản lý tiền với quản lý khoản phải thu và hàng tồn kho. Vì vậy, tùy điều kiện của từng DN để rút ngắn các thành phần số ngày tồn kho, kỳ thu tiền

bình quân, từ đó giảm đáng kể chu kỳ luân chuyển tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

Trong quá trình quản lý hàng tồn kho nếu không đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu sử dụng trong thực tế có thể do một số nguyên nhân như không dự báo đúng nhu cầu sử dụng hàng hóa, tính toán sai lượng đặt hàng tối ưu nên quyết định nhập hàng. Hàng hóa không được bảo quản tốt, dẫn tới thất thoát, thiếu hụt, khiến hoạt động KD bị gián đoạn, giảm tính chủ động trong kinh doanh.

**Chương II: THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THIẾT  
BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY HƯNG PHÁT**

**2.1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY PCCC HƯNG PHÁT:**

Công ty PCCC Hưng Phát được UBND thành phố Hải Phòng cấp giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201583129, ngày 12-11-2014. Trụ sở đặt tại số 539 Thiên Lôi, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng. Ngày đầu mới thành lập, Công ty gặp không ít khó khăn về tài chính, nguồn nhân lực, đối tác, bạn hàng ít, nhưng nhờ sự quyết tâm và đồng lòng của cả tập thể, Công ty đã vượt qua khó khăn, thử thách để phần đầu vươn lên. Trải qua hơn 4 năm xây dựng, Công ty đã từng bước trưởng thành về nhiều mặt.

Về sản xuất kinh doanh: Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố cấp giấy phép kinh doanh các lĩnh vực chính sau:

- + Tư vấn thiết kế, thiết kế;
- + Cung cấp vật tư thiết bị, thi công các hệ thống báo cháy chữa cháy, chống sét, chống đột nhập cho các công trình dân dụng, công nghiệp và an ninh quốc phòng;
- + Thiết kế, chế tạo phương tiện PCCC, lắp ráp xe chữa cháy, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế vật tư, thiết bị đã cung cấp.

Trong suốt thời gian qua với hoạt động và mục tiêu duy nhất của công ty là “**AN TOÀN CHO KHÁCH HÀNG**”, do đó trên thị trường thành phố Hải Phòng công ty luôn được biết đến như là một đối tác rất chuyên nghiệp và có uy tín trong việc cung cấp trang thiết bị phòng cháy chữa cháy cho các Công ty xây dựng, cơ khí, sản xuất, công ty xây lắp điện, chung cư cao cấp, tòa nhà hành chính, trường học..... Đặc biệt là các cảng biển tại thành phố

Cùng với năm tháng, được sự ủng hộ của khách hàng và các đối tác, công ty không ngừng hoạt động và trưởng thành để trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung ứng thiết bị phòng cháy – chữa cháy nhập

khẩu. Công ty tự hào là đơn vị mang đến những dịch vụ uy tín nhất cho khách hàng.

Với các đặc điểm sản xuất như vậy công ty luôn xác định được vai trò, nhiệm vụ cụ thể của mình để làm sao phục vụ khách hàng một cách tốt nhất, nâng cao uy tín của công ty

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của công ty là xây lắp ,do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh mang những nét đặc trưng của đơn vị xây lắp

Được mời thầu ,phòng quản lý sản xuất lập dự toán ,chủ trì trong công tác đấu thầu .Sau khi trúng thầu cùng ty chỉ định Chủ nhiệm công trình , đồng thời bố trí cán bộ giám sát kỹ thuật ,theo dõi tiến độ thi công của các công trình .Chủ nhiệm công trình chỉ đạo thi công theo kế hoạch phòng quản lý sản xuất đã lập, là người duy nhất chịu trách nhiệm tài chính trên công trường và được mở một tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng để nhận tiền tạm ứng thi công nếu công trình ở xa trụ sở công ty .

Tại mỗi công trường ,công ty đều thiết lập một kho bãi tập kết vật liệu , bố trí nhân viên kế toán thống kê chịu trách nhiệm tập hợp chứng từ gốc phục vụ kịp thời theo dõi chi phí và tính giá thành công trình .

Phòng quản lý sản xuất cùng với phòng tài chính kế toán đảm nhiệm việc thu nhận và theo dõi tình hình sử dụng vật liệu trên mặt giá trị, đồng thời theo dõi việc mua sắm và điều chuyển thiết bị ,công cụ giữa các công trường .Tuy nhiên Chủ nhiệm công trình là người được uỷ quyền rộng trong việc mua sắm nguyên vật liệu , thiết bị nhằm tạo thế chủ động trong quá trình thi công .Trường hợp cần mua sắm các thiết bị có giá trị lớn phải thông qua Giám đốc và Giám đốc là người kí kết hợp đồng mua bán .

**Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát:**

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng :

- Giám đốc :Là người đứng đầu bộ máy quản lý công ty ,trực tiếp đưa ra các quyết định quản lý ,chỉ đạo sản xuất kinh doanh tới các phòng ban , các đội sản xuất .Giám đốc là đại diện pháp nhân của công ty chịu trách nhiệm trước nhà nước , Công ty, công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty .

- Phó giám đốc : là người giúp việc cho giám đốc ,có quyền quyết định khi giám đốc vắng mặt , có quyền quản lý đối với các phòng ban và các đội sản xuất trong giới hạn trách nhiệm của mình .

Công ty có hai phó giám đốc :

+Phó giám đốc kỹ thuật .

+Phó giám đốc kinh tế -nội chính

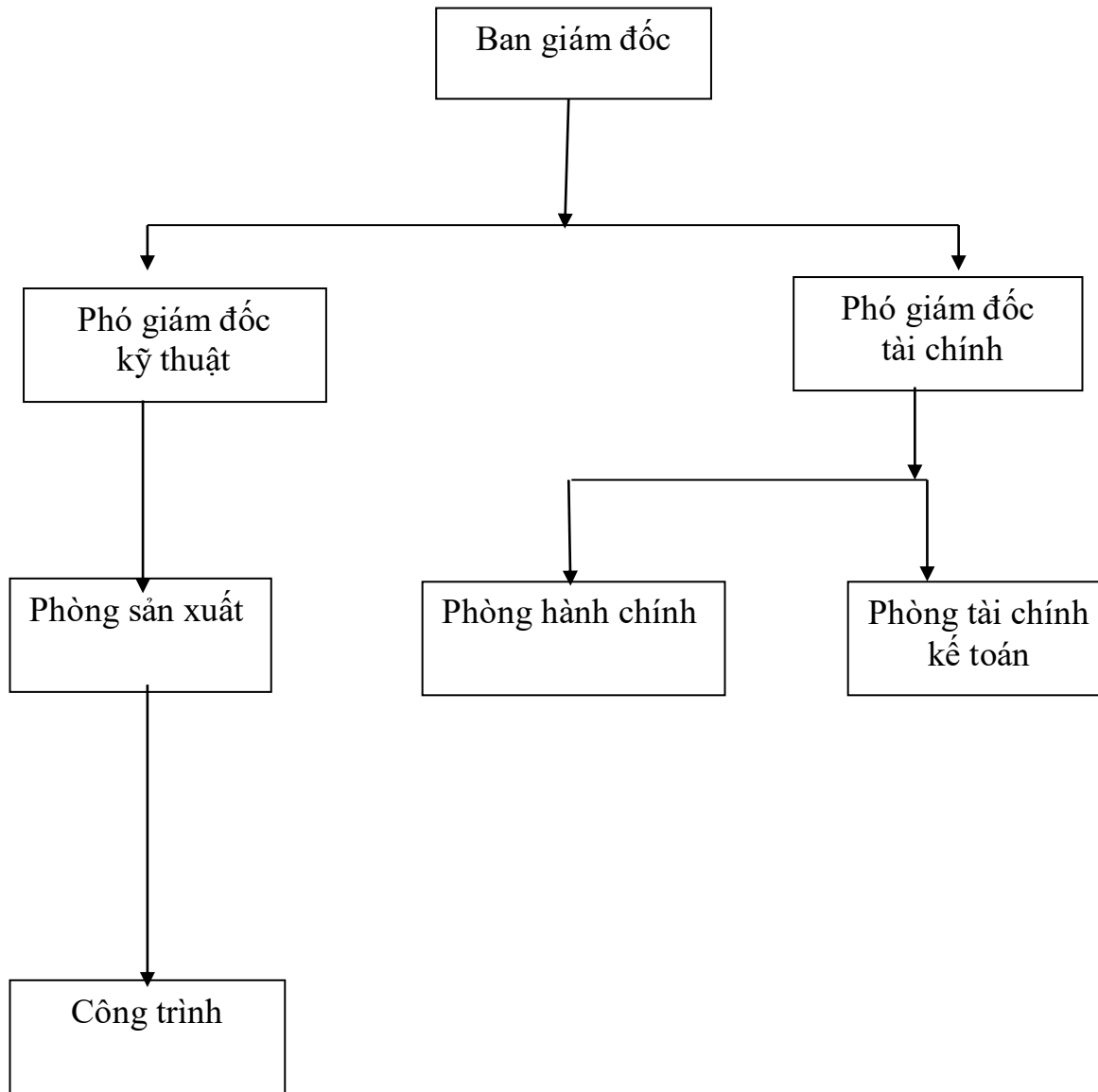
- Phòng tổ chức hành chính : Có chức năng quản lý về mặt nhân sự,theo dõi giờ công lao động , thực hiện và thanh toán lương cho toàn công ty .Chịu trách nhiệm tổ chức công tác bảo vệ tài sản công ty , phổ biến kiểm tra việc thực hiện an toàn lao động trên các công trường .

- Phòng quản lý sản xuất :Nhận nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất,theo dõi và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ,chủ trì trong công tác đấu thầu , đồng thời giám sát kỹ thuật , theo dõi khối lượng và tiến độ thi công của các công trình. Tổ chức lập hồ sơ thanh toán ,quyết toán theo từng giai đoạn và sau khi hoàn thành bàn giao công trình , theo dõi việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật .

-Phòng tài chính kế toán : Có chức năng quản lý toàn bộ tài sản về mặt giá trị vốn sản xuất kinh doanh của toàn bộ công ty ,tổ chức và thực hiện công tác tài chính kế toán thống kê tại công ty .Chịu trách nhiệm trước giám đốc và phòng tài chính cấp trên về việc thực hiện chế độ tài chính kế toán của nhà nước.

- Bộ phận quản lý sản xuất tại các công trường : Chịu sự quản lý của công ty là trực tiếp chỉ đạo thi công tại các công trường là các chủ nhiệm công trình ,đội trưởng sản xuất cán bộ kỹ thuật .

**Sơ đồ 1 :Cơ cấu quản lý của công ty PCCC Hưng Phát.**



*Nguồn Phòng kế toán công ty PCCC*

Tổ chức kế toán tại công ty :

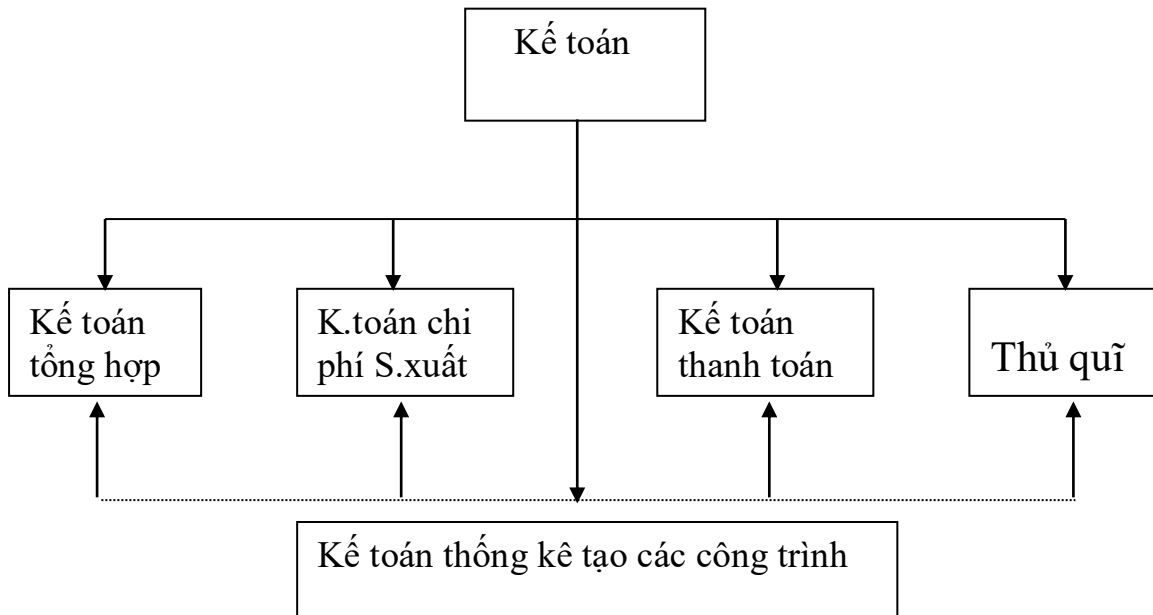
Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung ,tại công ty chỉ thiết lập một phòng kế toán duy nhất tại trụ sở để thực hiện toàn bộ công việc tài chính kế toán thống kê .Trên các công trình bố trí các nhân viên,kế toán làm công việc tổ chức thu nhận, kiểm tra các chứng từ ban đầu định kỳ chuyển về phòng tài chính kế toán tại trụ sở .



Phòng tài chính kế toán được tổ chức như sau :

- Kế toán trưởng : Là người phụ trách phòng và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Phòng tài chính kế toán cấp trên về việc tổ chức công tác kế toán , thực hiện chế độ tài chính kế toán hiện hành ,tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý kinh tế ,tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty .
- Kế toán tổng hợp : Có chức năng tổ chức hạch toán kế toán tổng hợp trên máy vi tính ,lập các sổ sách , báo cáo tài chính kế toán định kỳ theo qui định, xác định giá thành thực hiện công trình và tính lương cho bộ phận gián tiếp
- Kế toán chi phí giá thành sản xuất : Có nhiệm vụ theo dõi tập hợp các chi phí sản xuất đồng thời được phân công theo dõi kế toán các khoản công nợ nội bộ .

Sơ đồ 2:Tổ chức kế toán của công ty .



*Nguồn Phòng kế toán công ty PCCC*

**Thuận lợi :**

**Hệ thống Phòng Cháy Chữa Cháy** là một trong những hệ thống quan trọng và không thể thiếu đối với bất kỳ công trình nào hiện nay. Nó đóng một vai trò hết

sức quan trọng trong việc bảo vệ tài sản và tính mạng con người. Vì thế mà việc đầu tư thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cũng như bảo trì bảo dưỡng hệ thống luôn luôn được đề lên hàng đầu. Vì vậy số lượng công việc sẽ đảm bảo nếu như ban lãnh đạo công ty làm tốt vấn đề thị trường.

Thi công xây lắp các công trình của ngành đảm bảo cho công ty thanh toán khối lượng công trình nhanh hơn ,là nguồn vốn để tái sản xuất,tạo điều kiện mở rộng thị trường hoạt động cho công ty ,giúp cho công ty khẳng định được vị trí của mình hơn nữa.

Giám đốc, ban lãnh đạo công ty và bộ máy giúp việc hết sức linh hoạt và nhạy bén ,sáng tạo nắm bắt được thị trường ,có đường lối chiến lược sản xuất đúng đắn ,sử dụng lao động hợp lý ,phù hợp trình độ tay nghề của từng người .Từ đó giúp cho công ty vững bước phát triển đi lên ,góp phần cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên toàn công ty .

Với hình thức hoạt động đấu thầu công ty không phải lập bảo lãnh cho các công trình trong ngành tạo thế chủ động cho công ty tự do hoạt động ,tăng uy tín cho khách hàng ,chất lượng thi công xây lắp ngày càng được nâng cao .

**.Khó khăn :**

Bên cạnh những thuận lợi đã nêu trên .Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn do yếu tố chủ quan và khách quan mang lại.

-Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo hình thức đấu thầu nên không có kế hoạch tiêu thụ sản phẩm .Khi có công trình công ty tổ chức tham gia đấu thầu phải có kế hoạch làm thế nào để thắng thầu trong xu thế nền kinh tế mở cửa thì khả năng cạnh tranh rất lớn . Vì vậy gây khó khăn cho công ty trong việc trúng thầu .

-Do sự cạnh tranh của các công ty pccc khác ,đòi hỏi công ty phải tìm biện pháp để nâng cao uy tín , giữ vững và mở rộng phạm vi đầu tư , lãnh đạo công ty phải luôn năng động để sản phẩm của công ty luôn đứng vững trên thị trường .

2.1.4 Một số chỉ tiêu kinh tế của công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát giai đoạn 2015- 2017

**Bảng 2.1.: Một số chỉ tiêu kinh tế của công ty giai đoạn 2015-2017 ĐVT: VNĐ**

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch			
					2016/2015		2017/2016	
					Số tiền	Tỷ lệ(%)	Số tiền	Tỷ lệ(%)
1. Tổng vốn	VN Đ	53,446,143,647	52,159,469,235	48,118,487,773	(1,286,674,412)	-24.2	(4,040,981,462)	-30.14
2. Tổng Doanh thu	VN Đ	17,613,968,826	13,867,682,973	15,332,247,036	(3,746,285,853)	-21.3	1,464,564,063	10.6
3. Tổng Lợi nhuận	VN Đ	1.854.515.658	1.706.261.882	2.258.448.490	(148,253,776)	-8.0	552,186,608	32.4
4. Thuế TNDN	NĐ	263,553	156,556	841,783	-106,996	-40.60	685,226	437.69
5. Lao động Bình Quân	Người	100	150	200	50	50.00	50	33.33
6. Thu nhập bình quân	Ng/năm	36,000,000	37,200,000	38,400,000	1,200,000	3.33	1,200,000	3.23

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát)

Tổng vốn chênh lệch năm 2016 so với năm 2015 là (1,286,674,412) đồng, tương đương với giảm 24.2% , chênh lệch năm 2017 so với năm 2016 là (4,040,981,462) đồng, tương đương với giảm -30.14%, nguyên nhân thời gian vừa qua công ty thắt chặt chi tiêu, tập trung nguồn vốn vào kinh doanh bất động sản

Doanh thu năm 2016 so với năm 2015 là giảm (3,746,285,853) đồng, năm 2017 so với năm 2016 là tăng 1,464,564,063 đồng. nguyên nhân của sự giảm sút về kinh tế này do công ty sử dụng chiến lược kinh doanh sai hướng.

Tổng mức lợi nhuận của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn bởi chất lượng tổ chức quản lý, sử dụng vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong năm 2015 lợi nhuận của công ty so với năm 2015 là giảm (148,253,776) đồng. Năm 2017 so với năm 2016 tăng 552,186,608 đồng. Điều đó chứng tỏ năm 2017 tổ chức sử dụng vốn kinh doanh tốt hơn các năm trước nên công ty tạo ra tổng mức lợi nhuận cao hơn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp cũng thay đổi qua các năm Thu nhập lao động . Nộp ngân sách năm 2015 là 519264384 đồng, năm 2016 là 477753327 đồng, năm 2017 là 632365577 đồng, năm 2016 so với năm 2015 là giảm (41,511,057) đồng tương đương với -8.0 %, năm 2017 so với năm 2016 tăng 154,612,250 đồng tương đương với 32.4% Lao động của các năm chênh lệch nhau 10 lao động, càng những năm gần đây công ty cần tuyển thêm nguồn lao động, điều này chứng tỏ công ty đang hoàn thiện bộ máy tổ chức của.

**2.2 Phân tích cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát**

**2.2.1 Phân tích cơ cấu nguồn vốn công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát**

**Bảng 2.2: Phân tích cơ cấu nguồn vốn ĐVT: VNĐ**

Chi tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Chênh lệch 16/15			Chênh lệch 17/16		
	+/-	TT	+/-	TT	+/-	TT	+/-	TT	%	+/-	TT	%
Tổng vốn kinh doanh	53,446,143,647	100.00	52,159,469,235	100.00	48,118,487,773	100.00	(1,286,674,412)	0.00	-2.41	(4,040,981,462)	0.00	-7.75
-Vốn cố định	37,274,792,365	69.74	39,794,320,279	76.29	31,601,929,438	65.68	2,519,527,914	6.55	6.76	(8,192,390,841)	-10.62	-20.59
-Vốn lưu động	16,171,351,282	30.26	12,365,148,956	23.71	16,516,558,335	34.32	(3,806,202,326)	-6.55	-23.54	4,151,409,379	10.62	33.57
Tổng nguồn vốn kinh doanh	53,446,143,647	100.00	52,159,469,235	100.00	48,118,487,773	100.00	(1,286,674,412)	0.00	-2.41	(4,040,981,462)	0.00	-7.75
Vốn chủ sở hữu	30,568,240,676	57.19	29,052,878,281	55.70	24,728,303,525	51.39	(1,515,362,395)	-1.49	-4.96	(4,324,574,756)	-4.31	-14.89
-Nợ phải trả	22,877,902,971	42.81	23,106,590,954	44.30	23,389,184,268	48.61	228,687,983	1.49	1.00	282,593,314	4.31	1.22

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát)

Nhìn vào bảng ta thấy vốn cố định năm 2015 là 37,274,792,365 đồng chiếm 69.7 % tổng vốn kinh doanh, năm 2016 là 39,794,320,279 đồng chiếm 76.3 % tổng vốn kinh doanh, năm 2017 31,601,929,438 đồng chiếm 65.7 % tổng vốn kinh doanh, chênh lệch năm 2016 so với năm 2015 là 2,519,527,914 đồng tương đương với 6.76%, chênh lệch năm 2017 so với năm 2016 là (8,192,390,841) đồng tương đương với -20.59%, nguyên nhân tài sản cố định năm 2017 giảm chứng tỏ tài sản của công ty đi vào ổn định, công ty tiếp tục kinh doanh các sản phẩm của mình dựa trên tài sản cố định ban đầu.

Vốn lưu động năm 2015 là 16,171,351,282 đồng chiếm 30.3% tổng vốn kinh doanh, năm 2016 là 12,365,148,956 đồng chiếm 23.7 % tổng vốn kinh doanh, năm 2017 là 16,516,558,335 đồng chiếm 34.3 % tổng vốn kinh doanh, năm 2016 so với năm 2015 là giảm (3,806,202,326) tương đương với -23.54%, năm 2017 so với năm 2016 là 4,151,409,379 đồng tương đương với 33.57%. nguyên nhân cho thấy hiệu quả của việc chuyển các khoản phải thu thành tiền năm 2016 của Công ty là chưa cao, vì vậy Công ty cần xem xét lại chính sách tín dụng thương mại của mình, qua đó đẩy nhanh tốc độ thu hồi các khoản phải thu, tăng việc thu hồi nợ từ khách hàng, tránh để kì thu tiền bình quân quá cao sẽ dẫn đến việc thiếu vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Vốn chủ sở hữu năm 2015 là 30,568,240,676 đồng chiếm 57.2 % tổng vốn kinh doanh, năm 2016 là 29,052,878,281 chiếm 55.7 % tổng vốn kinh doanh, năm 2017 là 24,728,303,525 đồng chiếm 51.4 % tổng vốn kinh doanh, năm 2016 so với năm 2015 giảm (1,515,362,395) đồng tương đương với -4.96%, năm 2017 so với năm 2016 là tăng (4,324,574,756) đồng tương đương với -14.89%. Điều này cho thấy hiệu quả của việc chuyển các khoản phải thu thành tiền của Công ty là chưa cao, vì vậy Công ty cần xem xét lại chính sách tín dụng thương mại của mình, qua đó đẩy nhanh tốc độ thu hồi các khoản phải thu, tăng việc thu hồi nợ từ khách hàng, tránh để kì thu tiền bình quân quá cao sẽ dẫn đến việc thiếu vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

Nợ phải trả năm 2015 là 22,877,902,971 đồng chiếm 42.8 %, năm 2016 là 23,106,590,954 đồng chiếm 44.3 %, năm 2017 là 23,389,184,268 đồng chiếm

48.6 %, chênh lệch giữa năm 2016 so với năm 2015 là 228,687,983 đồng tương đương với 1.00%, năm 2017 so với năm 2016 là 282,593,314 đồng tương đương với 1.22%. Số liệu trên cho thấy nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là nguồn vốn cơ bản và thường xuyên có tỷ trọng lớn hơn trong tổng số nguồn vốn của Công ty. Tuy nhiên nguồn vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm xuống trong những năm gần đây.

**2.2.2 Thực trạng hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát**

**Bảng 2.3 : Bảng phân tích biến động vốn chủ sở hữu ĐVT: VNĐ**

Chi tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		So sánh 16/15			So sánh 17/16		
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	+	%	Tỷ trọng	+	%	Tỷ trọng
I. Vốn CSH	30,568,240,676	57.19 %	28,802,878,281	55.22 %	23,585,920,525	49.02%	(1,765,362,395)	-5.78	(1.97) %	(5,216,957,756)	-18.11	(6.20) %
1.Nguồn vốn kinh doanh	26,567,919,379	49.71 %	26,447,919,379	50.71 %	22,384,762,367	46.52 %	(120,000,000)	-0.45	1.00 %	(4,063,157,012)	-15.36	(4.18) %
2.Chênh lệch tỷ giá	321,050,725	0.60 %	240,778,064	0.46 %	264,540,622	0.55 %	(80,272,661)	-25.00	(0.14) %	23,762,558	9.87	0.09 %
3.Quỹ đầu tư phát triển	776,773,921	1.45 %	776,773,921	1.49 %	-	-	-	0.00	0.04 %	(776,773,921)	-100.00	(1.49) %
4.Quỹ dự phòng tài chính	13,181,136	0.02 %	13,181,136	0.03 %	19,771,696	0.04 %	-	0.00	0.00	6,590,560	50.00	0.02 %
5.Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm	659,056	0.00 %	659,056	0.00	-	-	-	0.00	0.00	(659,056)	-100.00	(0.00) %
6.Lãi cha phân phối	1,038,032	0.00 %	1,038,032	0.00	222,046,360	0.46 %	-	0.00	0.00	221,008,328	21291.09	0.46 %
7. Quỹ KT phúc lợi	1,490,884,181	2.79 %	141,592,259	0.27 %	15,342,259	0.03 %	(1,349,291,922)	-90.50	(2.52) %	(126,250,000)	-89.16	(0.24) %
8.Nguồn vốn đầu tư XDCCB	1,390,757,715	2.60 %	1,751,012,929	3.36 %	679,457,221	1.41 %	360,255,214	25.90	0.75 %	(1,071,555,708)	-61.20	(1.94) %
II. Nguồn kinh phí	-		250,000,000	0.48	1,142,383,000	2.37 %	250,000,000		0.48 %	892,383,000	356.95	1.89 %
2.Nguồn kinh phí sự nghiệp	-		250,000,000	0.48	1,142,383,000	2.37 %	250,000,000		0.48 %	892,383,000	356.95	1.89 %



Qua 3 năm, vốn chủ sở hữu có sự biến động, tuy nhiên vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn nợ phải trả trong tổng nguồn vốn. Vốn kinh doanh biến đổi qua các năm, cụ thể: năm 2016 so với năm 2015 là giảm (120,000,000) đồng, tương đương với -0.45%, chênh lệch tuyệt đối tỷ trọng là 1.00 %; năm 2017 so với năm 2016 là giảm (4,063,157,012) đồng tương đương với -15.36%, giá trị tuyệt đối của tỷ trọng là (4.18) %. Năm 2016 tỷ trọng vốn chủ sở hữu chiếm 54,53% trong tổng nguồn vốn. Chênh lệch tỷ giá năm 2015 là (80,272,661) đồng tương đương với 25.00%, giá trị tuyệt đối của tỷ trọng (0.14) %; năm 2017 so với năm 2016 là 23,762,558

9.87 đồng tương đương với 0.09 %. Nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2016 so với năm 2015 là 250,000,000 đồng tương đương với giá trị tuyệt đối tỷ trọng là 0.48 %, năm 2017 so với năm 2016 là 892,383,000 đồng, tương đương với 356.95% giá trị tuyệt đối của tỷ trọng là 1.89 %. Nguyên nhân là do trong năm này công ty kinh doanh gặp nhiều thuận lợi, đem về một lượng lợi nhuận khá lớn đã bổ sung vào nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu tăng lên thể hiện năng lực tự chủ về mặt tài chính của công ty ngày càng được nâng lên. Để thấy rõ hơn tình hình độc lập, tự chủ của công ty ta sẽ đi xem xét chi tiết các khoản mục trong nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

Nhìn chung năm 2015, 2016 ta thấy tình hình nguồn vốn của công ty có sự biến động do sự biến động của các khoản nợ phải trả đầu năm so với cuối năm. Điều này chứng tỏ công ty đang dần ổn định cơ cấu vốn, mở rộng hoạt động kinh doanh.

**Bảng 2.4 : Bảng phân tích biến động nợ phải trả ĐVT: VNĐ**

Chi tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		So sánh 16/15			So sánh 17/16		
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	+	%	Tỷ trọng	+	%	Tỷ trọng
I.Nợ ngắn hạn	2,679,984,233	5.01 %	2,061,591,954	3.95%	5,085,376,078	10.57%	(618,392,279)	-23.07	(1.06) %	3,023,784,124	146.67%	6.62 %
1.Phải trả cho người bán	2,760,142,560	5.16 %	1,850,610,691	3.55 %	4,406,236,542	9.16 %	(909,531,869)	-32.95	(1.62) %	2,555,625,851	138.10%	5.61 %
2. người mua trả tiền trước	-		124,740,020		475,116,000		124,740,020		-	350,375,980	280.88%	-
3.Thuế và các khoản phải nộp	304,065,623	0.57 %	60,553,876	0.12 %	137,083,054	0.28 %	(243,511,747)	-80.09	(0.45) %	76,529,178	126.38%	0.17 %
4. Các khoản phải trả phải nộp khác	223,907,292	0.42 %	-	-	66,931,482	0.14 %	(223,907,292)	-100.00	(0.42) %	66,931,482		0.14 %
II. Nợ dài hạn	20,178,716,838	37.76 %	21,045,000,000	40.35 %	18,303,817,190	38.04 %	866,283,162	4.29	2.59 %	(2,741,182,810)	-13.03%	(2.31) %
1.Vay dài hạn	20,178,716,838	37.76 %	21,045,000,000	40.35 %	18,303,817,190	38.04 %	866,283,162	4.29	2.59 %	(2,741,182,810)	-13.03%	(2.31) %
III. Nợ khác	19,201,900	0.04 %	-	-	-	-	(19,201,900)	-100.00	(0.04) %	-		-

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát)

Từ bảng ta thấy phải trả cho người bán năm 2016 so với năm 2015 là (909,531,869) đồng tương đương với -32.95%, chênh lệch tuyệt đối (1.62) %, năm 2017 so với năm 2016 là 2,555,625,851 đồng tương đương với 138.10%, chênh lệch tuyệt đối 5.61 %. Người mua trả tiền trước năm 2016 so với năm 2015 là 124,740,020 đồng, năm 2017 so với năm 2016 là 350,375,980 đồng tương đương với 280.88%. Nợ dài hạn năm 2016 so với năm 2015 là 866,283,162 đồng tương đương với 4.29%, chênh lệch giá trị tuyệt đối tỷ trọng 2.59 %, năm 2017 so với năm 2016 là giảm (2,741,182,810) đồng tương đương giá trị tuyệt đối là -13.03% chênh lệch tỷ trọng tuyệt đối là (2.31) %. Nguyên nhân của sự biến đổi qua các năm là nợ phải trả gồm nguồn vốn tín dụng và các khoản đi chiếm dụng, các khoản đi chiếm dụng thuế phải nộp luôn đạt giá trị lớn nhất qua các năm. Năm 2015, các khoản đi chiếm dụng và nguồn vốn tín dụng đều đạt giá trị lớn do trong năm công ty ký kết được nhiều hợp đồng bán hàng nên đã chiếm dụng một lượng vốn lớn cũng đi vay nợ để mua nhập khẩu nguyên vật liệu nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh đúng tiến độ. Năm 2016, nguồn vốn tín dụng có xu hướng giảm xuống do vay ngắn hạn và vay dài hạn đều có xu hướng giảm, giải thích cho điều này là do trong năm 2016 công ty kinh doanh thuận lợi đem lại một khoản lợi nhuận lớn, một phần dùng để thanh toán nợ vay, một phần bổ sung vào vốn chủ sở hữu. Năm 2016, các khoản đi chiếm dụng vẫn duy trì xu hướng tăng, đạt giá trị lớn nhất trong 3 năm.

**Bảng 2.5. Mối quan hệ giữa vốn chủ sở hữu và nợ phải trả ĐVT: VNĐ**

Chi tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	Chênh lệch 16/15		Chênh lệch 17/16	
					+/-	%	+/-	%
Nợ phải trả	VNĐ	22,887,902,971	23,106,590,954	23,389,184	218,687,983	0.96	-23,083,201,770	-99.90
Nguồn vốn chủ sở hữu	VNĐ	30,568,240,676	29,052,878,281	24,728,303,521	-1,515,362,395	-4.96	-4,324,574,760	-14.89
Tổng cộng nguồn vốn	VNĐ	53,466,143,647	52,159,469,235	48,117,487,793	-1,306,674,412	-2.44	-4,041,981,442	-7.75
Tỷ suất vốn chủ sở hữu	Lần	57.17	55.7	51.39	-1.47	-2.57	-4.31	-7.74
Tỷ suất nợ phải trả	Lần	42.81	44.3	0.05	1.49	3.48	-44.25	-99.89

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát)

Từ bảng ta thấy phải trả cho người bán năm 2016 so với năm 2015 là (909,531,869) đồng tương đương với -32.95%, chênh lệch tuyệt đối (1.62) %, năm 2017 so với năm 2016 là 2,555,625,851 đồng tương đương với 138.10%, chênh lệch tuyệt đối 5.61 %. Người mua trả tiền trước năm 2016 so với năm 2015 là 124,740,020 đồng, năm 2017 so với năm 2016 là 350,375,980 đồng tương đương với 280.88%. Nợ dài hạn năm 2016 so với năm 2015 là 866,283,162 đồng tương đương với 4.29%, chênh lệch giá trị tuyệt đối tỷ trọng 2.59 %, năm 2017 so với năm 2016 là giảm (2,741,182,810) đồng tương đương giá trị tuyệt đối là -13.03% chênh lệch tỷ trọng tuyệt đối là (2.31) %. Nguyên nhân của sự biến đổi qua các năm là nợ phải trả gồm nguồn vốn tín dụng và các khoản đi chiếm dụng, các khoản đi chiếm dụng thuế phải nộp luôn đạt giá trị lớn nhất qua các năm. Năm 2015, các khoản đi chiếm dụng và nguồn vốn tín dụng đều đạt giá trị lớn do trong năm công ty ký kết được nhiều hợp đồng bán hàng nên đã chiếm dụng một lượng vốn lớn cũng đi vay nợ để mua nhập khẩu nguyên vật liệu nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh đúng tiến độ. Năm 2016, nguồn vốn tín dụng có xu hướng giảm xuống do vay ngắn hạn và vay dài hạn đều có xu hướng giảm, giải thích cho điều này là do trong năm 2016 công ty kinh doanh thuận lợi đem lại một khoản lợi nhuận lớn, một phần dùng để thanh toán nợ vay, một phần bổ sung vào vốn chủ sở hữu. Năm 2016, các khoản đi chiếm dụng vẫn duy trì xu hướng tăng, đạt giá trị lớn nhất trong 3 năm.

**Bảng 2.6 Phân tích hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát**  
 ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch	
		Số tiền	Số tiền	Số tiền	16/15	17/16
		Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
Doanh Thu	VNĐ	17,613,968,826	13,867,682,973	15,332,247,036	-3746285853	1464564063
Lợi nhuận	VNĐ	1,854,515,658	1,706,261,882	2,258,448,490	-148253776	552186608
Tổng vốn kinh doanh	VNĐ	53,446,143,647	52,159,469,235	48,118,487,773	-1286674412	-4040981462
Vốn chủ sở hữu bq	VNĐ	30,568,240,676	29,052,878,281	24,728,303,521	-1515362395	-4324574760.00
Hiệu suất sử dụng tổng vốn(=1/3)	Lần	0.33	0.27	0.32	-0.06	0.05
Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu(=1/4)	Lần	0.58	0.48	0.62	-0.10	0.14
Suất sinh lợi của tổng vốn(=2/3)	Lần	0.03	0.03	0.05	0.00	0.01
Suất sinh lợi của chủ sở hữu	Lần	1.75	1.80	1.95	0.05	0.15

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát)

Trong năm 2016 doanh thu và lợi nhuận của công ty tương đối giảm, đến năm 2017 công ty đã tập trung nguồn nhân lực, hoạch định lại chiến lược kinh doanh nên lợi nhuận năm 2017 có phần tăng hơn năm trước 552,186,608 đồng. Nguyên nhân là do trong năm này công ty kinh doanh gặp nhiều thuận lợi, đem về một lượng lợi nhuận khá lớn đã bổ sung vào nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu tăng lên thể hiện năng lực tự chủ về mặt tài chính của công ty ngày càng được nâng lên. Vì vậy, mặc dù nguồn quỹ đầu tư phát triển không tăng nhưng không phải là dấu hiệu xấu, ngược lại cho thấy công ty đã đi vào ổn định sản xuất kinh doanh. Hiệu suất sử dụng tổng vốn năm 2015 là 0.33% năm 2016 là 0.27%, năm 2017 là 0.32 chênh lệch giữa năm 2016 so với năm 2015 là -0.06%, năm 2014 so với năm 2013 là 0.05%. Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu năm 2015 là 0.58% năm 2016 là 0.48% năm 2017 là 0.62%, chênh lệch năm 2016 so với năm 2017 là -0.10, chênh lệch năm 2017 so với năm 2016 là 0.14%. Về chỉ tiêu phải trả công nhân viên đều tăng qua các năm cho thấy công ty cũng đã tận dụng chiếm dụng lương nhân viên. Qua 3 năm lương nhân viên tăng lên do lợi nhuận thu về tăng lên, mặt khác do cách tính lương trong những năm gần đây công ty điều chỉnh giá tiền lương dựa vào giá cả thị trường.

Năm 2015, nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 57,19% trong tổng nguồn vốn. Điều này cho thấy khả năng tự tài trợ của Công ty là rất tốt. Tuy nhiên sang năm 2016, tỷ lệ này giảm xuống một chút, chỉ còn 55,7%, và đến năm 2017, nguồn vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 51,39% trong tổng nguồn vốn. Mặc dù tỷ trọng của nguồn vốn chủ sở hữu giảm dần nhưng nó vẫn đóng vai trò chủ đạo trong tổng nguồn vốn.

## **2.3 Đánh giá chung về cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát**

### **2.3.1. Thành công**

Thứ nhất: Về tình hình cơ cấu vốn trong những năm qua đã được những thành công nhất định đó là vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng lên trong tổng nguồn vốn kinh doanh. Do lợi nhuận của công ty qua 3 năm luôn giữ ở mức cao

đã bổ sung một lượng vốn lớn vào vốn chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu tăng lên thể hiện năng lực tự chủ về mặt tài chính của công ty ngày càng tốt hơn.

Thứ hai: Các khoản phải thu chiếm tỷ lệ nhỏ trong tài sản lưu động trong khi đó tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ lệ lớn trong tài sản lưu động chứng tỏ công tác thu tiền từ khách hàng được quản lý tốt đem về một lượng tiền mặt lớn cho công ty, làm tăng khả năng thanh toán cho công ty.

Thứ ba: Công ty dùng vốn đưa vào sản xuất kinh doanh bước đầu đã đem lại hiệu quả, sức sản xuất vốn đều ở mức cao chứng tỏ một đồng vốn đầu tư, một đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra đều mang lại lợi nhuận cao cho công ty. Đây là thành quả rất lớn trong hiệu quả đầu tư mà công ty phấn đấu rất nhiều.

Tuy nhiên, bên cạnh những hiệu quả đạt được nêu trên thì công ty vẫn còn có những hạn chế nhất định về việc sử dụng vốn của mình.

### **2.3.2. Hạn chế**

Năng lực đội ngũ cán bộ công nhân viên còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển nhanh của công ty, còn lúng túng khi tiếp cận cái mới, công trình lớn, vấn đề rộng và phức tạp, thiếu tính chủ động, sáng tạo, nhìn xa trông rộng. Hệ thống quản lý phối kết hợp, cũng như hệ thống thông tin còn nhiều bất cập, yếu kém. Phong cách làm việc thiếu tính chuyên nghiệp.

Với phòng tài vụ, quán triệt quy chế của công ty phối hợp với các đơn vị tổ chức triển khai tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ của công ty đề ra nhằm góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, đạt mức tăng trưởng 20%, mặc dù:

- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 sẽ gặp nhiều khó khăn hơn năm 2016, vốn ngân sách cấp cho các công trình chặt chẽ hơn, thị trường có nhiều biến động tăng ở mức cao nên chi phí đầu ra chưa kịp điều chỉnh với chi phí đầu vào.

- Định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá của nguồn vốn sự nghiệp điều chỉnh giảm nhiều.

- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng luật kế toán, thống kê, luật doanh nghiệp được áp dụng đòi hỏi công tác quản lý tài chính cần nghiêm ngặt hơn.



Phòng cần có những biện pháp khắc phục:

- Kịp thời đôn đốc tham gia xây dựng bổ sung hoàn chỉnh các định mức đơn giá sản phẩm cho phù hợp với thị trường, đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

- Hoàn thiện công tác kế toán toàn công ty, tăng cường năng lực học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân phân đấu quản lý tốt.

- Đôn đốc thanh toán thu hồi công nợ, phân đấu giảm thiểu nợ phải thu so với năm 2017.

- Duy trì họp bàn giao ban phòng có phân công các cá nhân giải quyết dứt điểm từng việc trong tuần và kết quả thực hiện công tác được giao

Một là: Hàng tồn kho của công ty có xu hướng tăng qua các năm đồng thời chiếm ở vị trí thứ 2 trong tài sản lưu động. Đây là một dấu hiệu không tích cực của công ty bởi vì hàng tồn kho tăng lên sẽ làm cho tình trạng ứ đọng hàng hóa, làm cho tốc độ quay vòng của đồng vốn chậm hơn, gây lãng phí vốn.

Hai là: Mặc dù các khoản phải thu chiếm tỷ lệ nhỏ trong doanh thu nhưng có xu hướng tăng. Điều này đánh giá là một dấu hiệu không tích cực bởi vì nó làm tăng khả năng bị khách hàng chiếm dụng vốn, làm giảm khả năng thanh toán ảnh hưởng đối với công tác huy động vốn quay vòng, đầu tư tái sản xuất mở rộng nhằm thu lợi nhuận.

Ba là: Hiệu suất sử dụng vốn lưu động, hiệu suất sử dụng vốn cố định và hiệu suất sử dụng vốn biến động qua các năm chưa đi vào ổn định. Nhìn chung hiệu quả vẫn còn chưa cao.

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ PCCC HƯNG PHÁT**

#### **3.1 Phương hướng phát triển của công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát**

Với môi trường làm việc ở Việt Nam hiện nay, việc áp dụng các biện pháp an toàn lao động, an toàn phòng cháy nổ dường như là một điều bắt buộc do ý thức của người lao động nói riêng và người dân nói chung cũn quỏ kộm. Với tư tưởng xem nhẹ công tác PCCC cộng với ý thức làm việc của người lao động VN kém, tai nạn an toàn lao động, PCCC xảy ra thường xuyên là điều dễ hiểu. Các cơ quan chức năng phải thường xuyên kiểm tra và xử phạt để cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng chúng.

Không chỉ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ, mà các công ty quy mô lớn cũng gặp phải vấn đề này, nguyên nhân có thể do xem thường, chủ quan về công tác phòng cháy, hoặc các doanh nghiệp tiết khoản tiền trang bị các thiết bị PCCC chuyòn dụng nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, an toàn đối với hầu hết các nguy cơ có thể xảy ra cháy, nổ. Và khi sự cố xảy ra, thiệt hại của nú cũng lớn hơn gấp nhiều lần số tiền cần bỏ ra để trang bị an toàn PCCC.

Trong năm 2016 vừa qua, theo thống kê của Cục Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ (CNCH) cả nước xảy ra 3.006 vụ cháy, nổ làm 98 người chết, thiệt hại về tài sản trị giá ước tính trên 1.240 tỷ đồng và 1800 ha rừng. Cháy nổ là một loại tai nạn dễ xảy ra đó gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Chính vì lý do đó , là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy ,công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát đã không ngừng phấn đấu vươn lên góp phần nâng cao các biện pháp ngăn ngừa cháy nổ, làm giảm thiệt hại tối thiểu nếu xảy ra cháy .Trong những năm qua Công ty đã có những đóng góp không nhỏ vào sự phỏt triển của cở công trờnh xây dựng của thành phố .Ngoài ra để nâng cao tốc độ tăng trưởng và phát triển hơn nữa trong những năm tới xứng đáng là một mắt xích quan trọng của ngành phòng cháy và chữa chỏy, Công ty đã đề ra một số mục tiêu và phương hướng hoạt động sau năm 2018 như:

Mục tiêu tổng quát:

-Nâng cao tốc độ tăng doanh thu Công ty đảm bảo năm sau cao hơn năm trước

-Tăng tổng nộp Ngân sách

-Thu nhập bình quân tháng của nhân viên công ty lên đến 1.4-1.5 triệu đồng/người

Mục tiêu và phương hướng hoạt động trước mắt:

-Tăng cường nguồn vốn ,mở rộng qui mô hoạt động của công ty ,phát triển hoạt động kinh doanh của công ty theo cả chiều rộng và chiều sâu, đầu tư mới ,mua sắm thêm tài sản cố định như xe tải , máy móc thiết bị phục vụ công trình...

-Hoàn thiện công tác tổ chức và quản lý trong công ty ,nâng cao trình độ chuyên môn cho các cán bộ ,công nhân viên công ty ,nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

-Thực hiện các biện pháp tăng lợi thế cạnh tranh trong công tác đấu thầu , phân đấu nhận thầu nhiều công trình , đẩy nhanh tiến độ hoàn thành công trình.thực hiện công tác quản lý và thi công có hiệu quả và chất lượng cao

### **3.2 Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát**

#### **3.2.1. Tổ chức cơ cấu vốn lưu động hợp lý:**

Tổng vốn chênh lệch năm 2016 so với năm 2015 là (1,286,674, 412)đồng, tương đương với giảm 24.2% , chênh lệch năm 2017 so với năm 2016 là (4,040,981,462) đồng, tương đương với giảm -30.14%, nguyên nhân thời gian vừa qua công ty thắt chặt chi tiêu, tập trung nguồn vốn vào kinh doanh bất động sản

Doanh thu năm 2016 so với năm 2015 là giảm (3,746,285,853) đồng, năm 2017 so với năm 2016 là tăng 1,464,564,063 đồng. nguyên nhân của sự giảm sút về kinh tế này do công ty sử dụng chiến lược kinh doanh sai hướng.

Cũng như vốn cố định ,trước khi đi sâu vào phần tìm giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động điều cần thiết là công ty cần phải điều chỉnh lại cơ cấu vốn lưu động và tỷ trọng vốn lưu động trong cơ cấu vốn cho hợp lý.Về cơ

cầu vốn ,qua sự phân tích ở trên ta nhận thấy rằng công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát là công ty mà loại hình kinh doanh chủ yếu là xây lắp, chính vì vậy tài sản cố định đóng vai trò rất quan trọng đối với công ty ,muốn sử dụng vốn có hiệu quả cần phải có đủ vốn đáp ứng nhu cầu cần thiết ,nhưng theo số liệu thực tế vốn cố định chỉ chiếm 9.01% tổng vốn không đủ để hoạt động trong tất cả các công trình đang thi công của công ty gây ra hiện tượng ứ đọng vốn do một số công trình không hoàn thành đúng tiến độ vì thiếu máy và nguyên vật liệu.Từ đó cho thấy hiệu quả sử dụng vốn sẽ tăng lên khi công ty có một cơ cấu vốn hợp lý .Giải pháp cho trường hợp này nên giảm tỷ trọng vốn lưu động xuống chuyển sang đầu tư cho tài sản cố định .Tuy nhiên vấn đề đặt ra là làm gì để giảm tỷ trọng vốn lưu động ,điều này liên quan đến cơ cấu vốn lưu động của công ty .Hiện nay trong cơ cấu vốn lưu động của công ty đang có sự chênh lệch rất rõ rệt .Chỉ xét năm 2017 ta thấy các khoản phải thu của công ty chiếm 55.60% tổng vốn lưu động cao hơn rất nhiều so với các khoản mục khác trong cơ cấu .Chỉ tiêu này chiếm tỷ trọng càng cao càng gây ra nhiều khó khăn cho công ty :rủi ro nợ khó đòi ,vốn không được sử dụng trở thành vốn ảo ... Để tránh tình trạng này công ty nên quản lý chặt chẽ các khoản phải thu giảm các khoản này đến mức tối thiểu ,làm như vậy vừa giảm rủi ro cho công ty đồng thời góp phần giảm bớt lượng vốn lưu động tiết kiệm vốn đầu tư cho tài sản cố định và các công trình đang thiếu vốn.

### ***3.2.2.Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu.***

Vốn lưu động năm 2015 là 16,171,351,282 đồng chiếm 30.3% tổng vốn kinh doanh, năm 2016 là 12,365,148,956 đồng chiếm 23.7 % tổng vốn kinh doanh , năm 2017 là 16,516,558,335 đồng chiếm 34.3 % tổng vốn kinh doanh , năm 2016 so với năm 2015 là giảm (3,806,202,326) tương đương với -23.54%, năm 2017 so với năm 2016 là 4,151,409,379 đồng tương đương với 33.57%. nguyên nhân cho thấy hiệu quả của việc chuyển các khoản phải thu thành tiền năm 2016 của Công ty là chưa cao, vì vậy Công ty cần xem xét lại chính sách tín dụng thương mại của mình, qua đó đẩy nhanh tốc độ thu hồi các khoản phải

thu, tăng việc thu hồi nợ từ khách hàng, tránh để kì thu tiền bình quân quá cao sẽ dẫn đến việc thiếu vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các khoản phải thu tuy có tác dụng làm doanh thu bán hàng tăng lên tài sản cố định được sử dụng có hiệu quả song nó cũng làm tăng chi phí đòi nợ, chi phí trả cho nguồn tài trợ để bù đắp sự thiếu hụt ngân quỹ. Tình trạng thực tế là khoản phải thu có giảm trong năm 2017 nhưng vẫn ở mức cao, vốn lưu động của bị chiếm dụng khá lớn trong khi đó công ty lại đang bị thiếu vốn để đầu tư. Chính vì vậy, quản lý chặt chẽ khoản phải thu để Công ty vừa gia tăng được doanh thu, tận dụng tối đa nguồn vốn hiện có vừa bảo đảm tính hiệu quả trong hoạt động của công ty. Một số giải pháp giảm các khoản phải thu:

**-Giải pháp giảm nợ:**

Trước khi thi công công trình công ty cần phải thoả thuận đi đến sự thống nhất với bên A về các điều khoản có trong hồ sơ thanh quyết toán giữa các bên như các chi phí trực tiếp, chi phí chung, lãi định mức và các đơn giá chi tiết kèm theo. Trong quá trình thi công công trình phải đảm bảo thiết kế, tiến độ và thoả mãn các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. Sau khi bàn giao công trình đã hoàn thành công ty phải yêu cầu bên A thanh toán theo hợp đồng, không chấp nhận kéo dài thời gian thanh toán đối với những chủ đầu tư mà công ty không biết rõ thông tin để có thể tin cậy. Bên cạnh đó công ty có thể sử dụng các biện pháp khuyến khích khách hàng (hoặc chủ đầu tư) thanh toán tiền sớm như sử dụng chiết khấu, hồi khấu theo nhiều tỷ lệ khác nhau tùy thuộc vào thời gian thanh toán của khách hàng.

**-Giải pháp thu hồi nợ:**

Tiến hành sắp xếp, phân loại các khoản phải thu theo thời gian và mức độ rủi ro đồng thời thẩm định tình hình tài chính và khả năng trả nợ của chủ đầu tư đang là chủ nợ ...Có như vậy công ty mới có thể theo dõi được thời hạn của khoản nợ, lập kế hoạch thu hồi nợ đúng hạn trong hợp đồng. Ngoài ra công ty phải thường xuyên theo dõi số dư của các khoản phải thu, trên cơ sở đó công ty quyết định có tiến hành cho nợ tiếp hay không, kết hợp trích lập “quỹ dự phòng

phải thu khó đòi” qui mô quỹ này phải được điều chỉnh sao cho phù hợp với sự thay đổi của tổng thể các khoản phải thu , không quá nhiều gây lãng phí nhưng cũng không quá ít gây ra rủi ro trong thanh toán cho xí nghiệp.

### **3.2.3. Quản lý tốt hàng tồn kho:**

Do đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty pccc Hưng Phát là xây lắp nên tài sản lưu động hàng tồn kho của công ty chỉ có khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang .Chi phí này tăng lên khi có càng nhiều công trình của công ty chưa được quyết toán ,nó bao gồm chi phí nhân công ,chi phí nguyên vật liệu ,giá trị khấu hao tài sản cố định...đã phát sinh trong quá trình thi công công trình.

Nếu khoản mục này tăng lên điều đó đồng nghĩa với số lượng các công trình thi công hoàn thành nhưng chưa quyết toán tăng lên,vốn kinh doanh của công ty bị ứ đọng không thu hồi ,quay vòng được làm cho hiệu quả hoạt động của công ty giảm xuống.Chính vì vậy giải pháp quản lý hàng tồn kho ở đây chính là những giải pháp làm giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ hay nói cách khác là đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình,giảm thời gian “chết “ trong quá trình thi công đồng thời nhanh chóng hoàn tất hồ sơ quyết toán yêu cầu bên A thực hiện quyết toán đúng hợp đồng.Thông thường một công trình bị quyết toán chậm là do thời gian bên A nghiệm thu công trình và kiểm nghiệm chất lượng công trình bị kéo dài hoặc do tài chính bên A vào thời điểm công trình đã hoàn thành đang rất khó khăn vì vậy để giảm được chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong trường hợp này trước khi thi công công trình công ty cần yêu cầu chủ đầu tư khảo sát thật kỹ thiết kế công trình,làm hợp đồng rõ ràng và đưa ra các điều khoản thoả thuận giữa hai bên về vấn đề thời gian và thời hạn quyết toán có ghi rõ mức độ chịu trách nhiệm của mỗi bên khi thực hiện sai các điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó để rút ngắn thời gian nghiệm thu công trình của bên A công ty phải yêu cầu bên A nhanh chóng mời chuyên gia kiểm nghiệm chất lượng thi công của công ty ,nếu đã đạt tiêu chuẩn thì bên A phải quyết toán công trình đúng thời hạn đã thoả thuận giữa hai bên.

### *3.2.4. Thực hiện tốt công tác dự toán ngân quỹ.*

Trên cơ sở thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, có thể tiến tới việc dự toán ngân quỹ của mình. Mặc dù chưa cụ thể và độ chính xác chưa cao nhưng chắc chắn nó sẽ hơn hẳn tình trạng hoàn toàn bị động trong việc quản lý các dòng tiền xuất nhập quỹ như hiện nay. Với cơ chế quản lý vốn lưu động hiện hành, trong mùa xây dựng, nhiều khi phải lo chạy vạy để đáp ứng đủ những nhu cầu vốn lớn đột xuất phục vụ cho thi công các công trình. Đây không những là sự lãng phí lớn về chi phí và nhân lực, giảm sự lành mạnh trong hoạt động tài chính của mà còn là bất lợi lớn trong sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt của thị trường xây dựng.

Để dự toán được ngân quỹ, phải nắm được quy mô thời điểm nhập xuất của các dòng tiền tệ. Việc cải thiện cơ chế thanh toán, tăng cường tốc độ thu hồi công nợ là cơ sở tốt để Công ty có thể nắm được các dòng tiền nhập quỹ. Vấn đề còn lại là quản lý các dòng tiền xuất quỹ. Đây có thể nói là công việc dễ dàng hơn và phụ thuộc nhiều vào nỗ lực quản lý của bản thân. Ngoài các khoản có thể dự trù được tương đối chính xác như tiền lương của Công ty trả cho cán bộ công nhân viên, tiền sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc, mục tiêu kế hoạch hoá các dòng tiền là việc chi thanh toán nguyên vật liệu của các đơn vị thi công.

Để có thể dự đoán được chính xác nhu cầu thanh toán nguyên vật liệu của các đội sản xuất, phòng kế toán tài chính cần phối hợp hoạt động với phòng kinh tế - kế hoạch, vật tư, các đội trưởng đội sản xuất ... Ngay từ khi nhận được thiết kế công trình, phòng kinh tế - kế hoạch vật tư phải căn cứ vào hợp đồng để vạch ra tiến độ thi công hợp lý, dự trù trước nhu cầu nguyên vật liệu của từng giai đoạn thi công. Đó là cơ sở để phòng kế toán - tài chính dự trù nhu cầu vốn lưu động trong kỳ, đề ra các biện pháp cân đối giữa nguồn thu và chi, bù đắp thiếu hụt một cách chủ động. Tất nhiên trong quá trình thực hiện sẽ phát sinh những chênh lệch cần tới sự điều chỉnh nhưng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban như trên thì việc điều chỉnh sẽ không quá phức tạp. Đồng thời, sự phối hợp

đó sẽ giúp cho vốn, vật tư... được quản lý chặt chẽ hơn, nghiệp vụ của các bộ phận trong Công ty sẽ nâng cao và doanh nghiệp sẽ vững vàng hơn trong cơ chế thị trường đầy biến động.

### **3.2.3. Một số giải pháp về huy động vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn:**

Nâng cao hiệu quả huy động vốn của công ty cũng chính là một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của công ty bởi hiệu quả huy động được đề cập ở đây chính là huy động được một lượng vốn vừa đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng với chi phí thấp, không gây khó khăn cho công ty trong vấn đề thanh toán. Với chất lượng nguồn huy động như vậy nhà quản trị có thể đưa ra một cơ cấu đầu tư hợp lý, đầu tư mua sắm mới tài sản cố định hay đáp ứng nhu cầu thiếu vốn ở các công trình đang thi công đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, thu hồi quay vòng vốn tiếp tục đầu tư mở rộng qui mô nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty. Đáp ứng được phần nào yêu cầu trên nguồn vốn tự có đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình huy động vốn của công ty, trong trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có Công ty có thể tận dụng những nguồn vốn nhỏ từ lợi nhuận không chia, từ các quỹ như quỹ đầu tư phát triển, quỹ khấu hao hoặc tiền thu được từ nhượng bán thanh lý tài sản. Mặc dù lượng vốn huy động được từ nguồn này không cao nhưng có ưu điểm là không phải trả chi phí huy động vì vậy công ty có thể coi đây là nguồn vốn dài hạn có thể đầu tư vào một phần tài sản cố định làm tăng tỷ trọng vốn cố định trong cơ cấu vốn kinh doanh của công ty. Nếu nhu cầu vốn lớn, công ty có thể huy động bằng việc vay của nhà tài trợ trong công ty. Do công tác quản lý và sử dụng vốn của công ty đạt được hiệu quả cao kéo theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm qua cũng tăng lên, thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng cao, vì vậy một khoản cho vay công ty không phải là khó. Việc huy động từ nguồn này giúp cho tránh được những thủ tục phức tạp đồng thời cũng giúp cho cán bộ nhân viên tăng thêm thu nhập từ khoản lãi do công ty làm ăn có lãi. Mặt khác với phương thức này một cách gián tiếp làm cho nhân viên công ty cảm thấy có



trách nhiệm hơn với công việc muốn công ty làm ăn có hiệu quả đảm bảo khả năng thanh toán những món vay và lãi.

## KẾT LUẬN

Vốn cố định là một bộ phận chủ yếu của vốn kinh doanh. Nó phản ánh khả năng trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật của Doanh nghiệp cũng như khả năng tiếp cận trình độ tiên bộ khoa học kỹ thuật. Thông qua hình thái vật chất là tài sản cố định, vốn cố định đem lại những điều kiện cần thiết để tiết kiệm sức lao động và nâng cao năng suất lao động trong Doanh nghiệp.

Công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát trong thời gian đầu thành lập và phát triển đã gặp không ít khó khăn tưởng chừng như không vượt qua khỏi. Nhưng nhờ sự năng động và nhạy bén của đội ngũ lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên mà Công ty đã đứng vững, từng bước đi lên, tạo lập và không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của mình.

Mặc dầu vậy, vấn đề nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định ngày càng có những khó khăn. Việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty trong giai đoạn hiện này là một điều cần thiết.

Khóa luận thực tập là kết quả của quá trình tìm hiểu, nghiên cứu về thực trạng hiệu quả và sử dụng vốn của Công ty. Với khả năng của một sinh viên mới qua quá trình thực tập, em hy vọng rằng các giải pháp dù rằng không nhiều song có thể có ích cho việc đề ra chiến lược của Công ty trong thời gian tới. Một lần nữa em xin cảm ơn thầy cô đã hướng dẫn em thực hiện tốt khóa luận tốt nghiệp này, đồng thời em cũng xin chân thành cảm ơn các anh chị ở phòng kế toán công ty cổ phần tư vấn thiết kế, xây dựng và thiết bị PCCC Hưng Phát đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập và cung cấp số liệu để em hoàn thành tốt hơn bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1 - Nguyễn Tân Bình (2010), Quản trị tài chính ngắn hạn, Nxb Thống kê, Hà Nội
- 2 - PGS.TS Lưu Thị Hương (2010), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- 3 - PGS.TS Nguyễn Đình Kiệt và TS.Bạch Đức Hiền (2007), Giáo trình Tài chính doanh nghiệp, Nxb Tài chính, Hà Nội.
- 4- TS Nguyễn Thanh Liêm (2007), Quản trị tài chính, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- 5 - Josette Peyrard (2012), Phân tích tài chính doanh nghiệp, Nxb Tổng hợp, Hồ Chí Minh.
- 6 - PGS.TS Nguyễn Năng Phúc (2011), Phân tích tài chính công ty cổ phần, Nxb Tài chính, Hà Nội.
- 7 - Nguyễn Hải Sản (2012), Quản trị tài chính doanh nghiệp, Nxb Tài chính, Hà Nội.